



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ

📍 SỐ 122 DƯƠNG TRIỆU TƯỚC, THỦY DƯƠNG, HƯƠNG THỦY, THỪA THIÊN HUẾ

☎ 0234.3864.337 🌐 www.huegatex.com.vn

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2023**



MỤC LỤC

Chương I: Thông tin chung

1. Tổng quan về Công ty
2. Tầm nhìn sứ mệnh, giá trị cốt lõi
3. Quá trình hình thành và phát triển
4. Thông tin về tổ chức và nhân sự
5. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Chương II: Tình hình hoạt động

1. Báo cáo hoạt động và đánh giá của Hội đồng Quản trị (HDQT)
2. Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát
3. Báo cáo hoạt động của Ban Điều hành
4. Báo cáo quản trị rủi ro

Chương III: Quan hệ Cổ đông

Chương IV: Báo cáo phát triển bền vững

1. Chính sách liên quan đến người lao động
2. Môi trường và năng lượng
3. Hoạt động cộng đồng
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Chương V: Báo cáo tài chính

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG



I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên tiếng việt:	Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Tên Tiếng anh:	HUE TEXTILE GARMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	HUEGATEX
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	3300100628 cấp lần đầu ngày 17/11/2005, cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 29/6/2023
Vốn điều lệ:	200.962.590.000 đồng



Số 122 Dương Triệu Tước, Thủy
Dương, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế



<https://huegatex.com.vn/>



0234.3864.337



Sàn giao dịch
UPCOM



Mã cổ phiếu:
HDM



2. TẦM NHÌN SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tầm nhìn

Trở thành đối tác chiến lược của các thương hiệu thời trang lớn, đáp ứng được những yêu cầu cao nhất của khách hàng, có hệ thống quản trị hiện đại, tăng trưởng bền vững, tham gia sâu rộng vào chuỗi cung ứng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu.

Sứ mệnh

Cung cấp cho khách hàng những sản phẩm dệt may có chất lượng tốt nhất, đáng tin cậy nhất trong phân khúc dựa trên mô hình sản xuất xanh cùng những dịch vụ chuyên nghiệp, tạo sự tự tin khi đồng hành cùng Công ty.

Giá trị cốt lõi

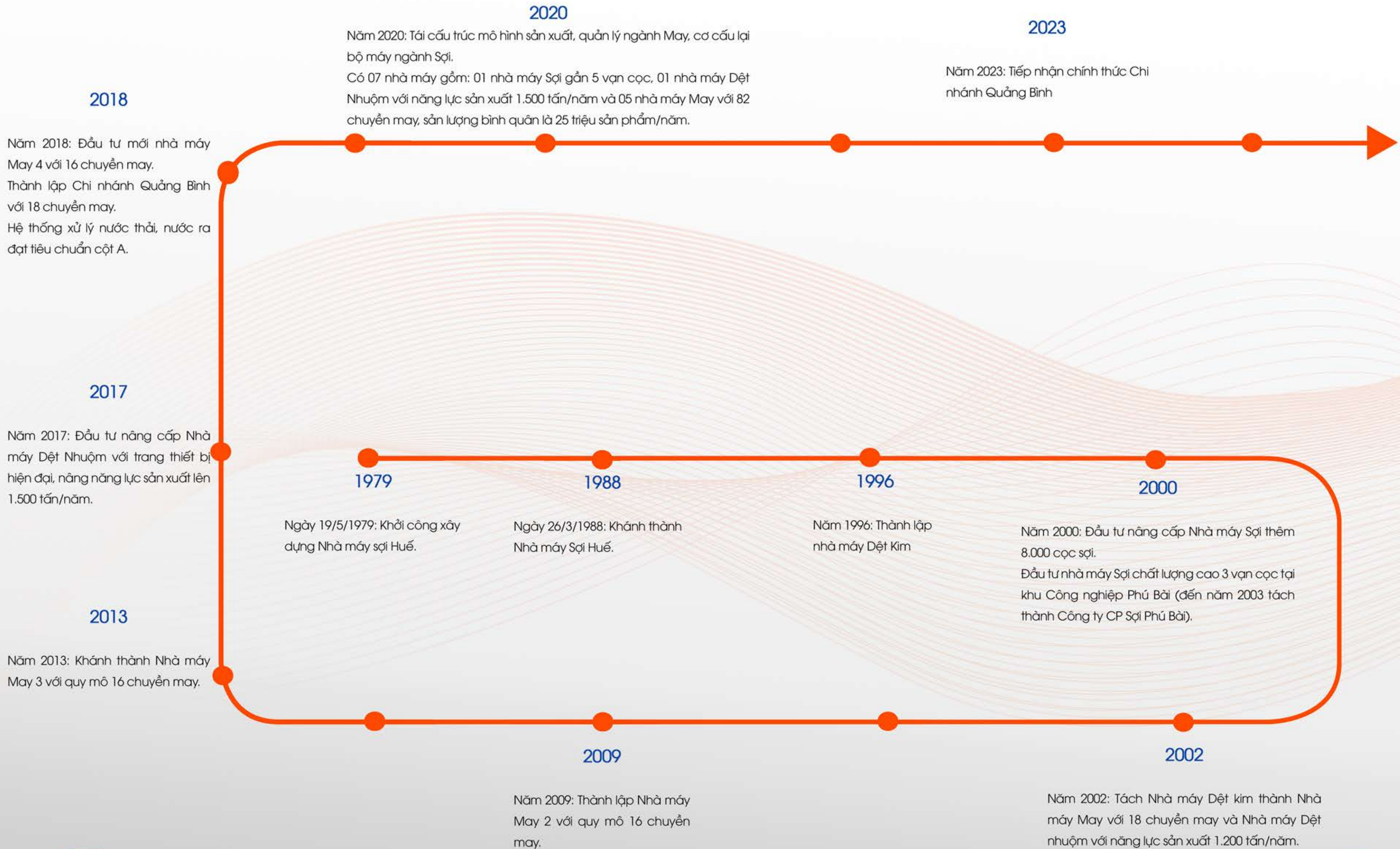
- Khách hàng là trọng tâm trong hoạch định chính sách và chiến lược.
- Làm đúng ngay từ đầu.
- Chuyên nghiệp, minh bạch, trách nhiệm trong tất cả các hoạt động.
- Tuân thủ các chuẩn mực quốc tế.

Slogan

“Thịnh vượng khách hàng – Phồn vinh công ty – Hòa hòa lợi ích”



3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

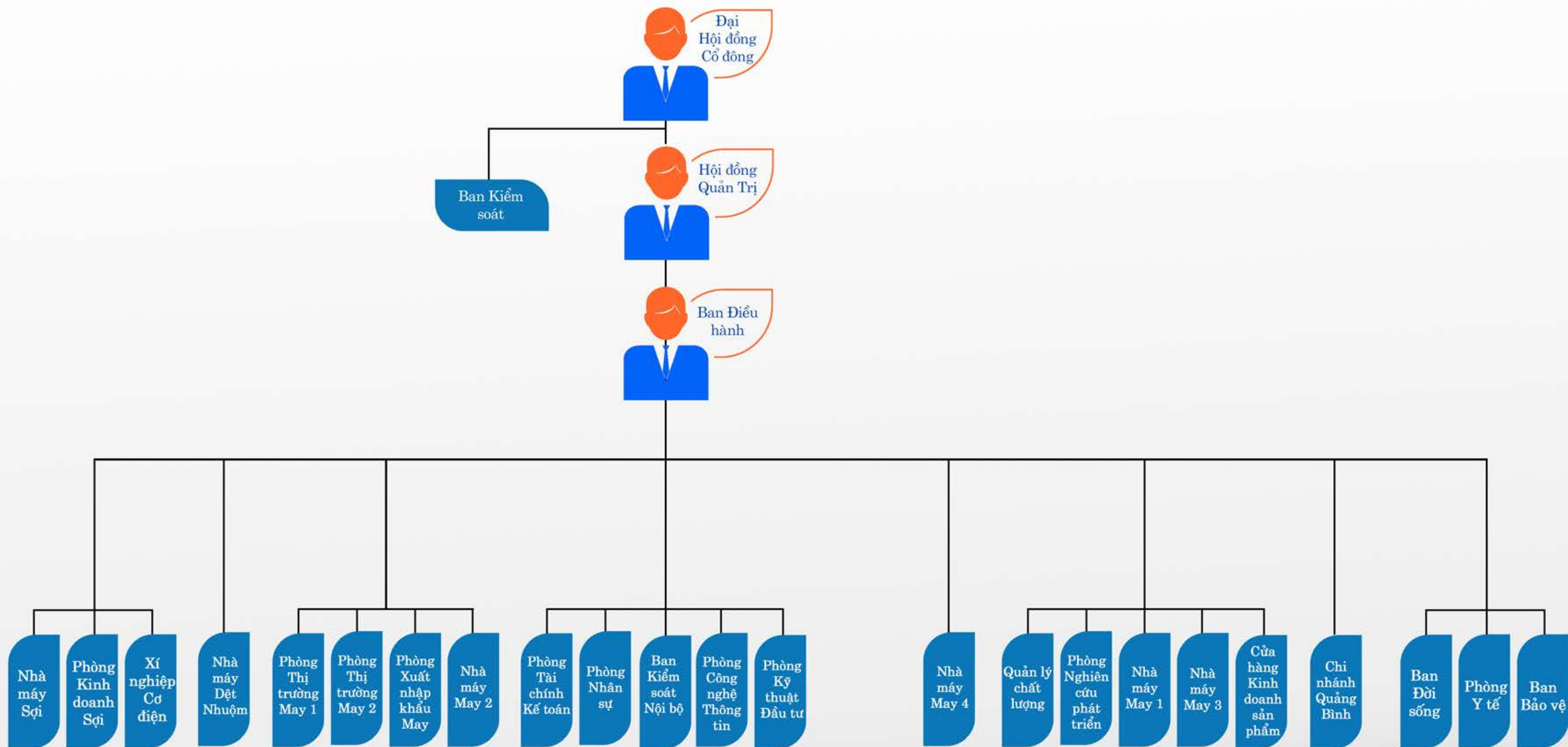


CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Năm	Hình thức khen thưởng
Năm 1993	Nhận Huân chương Lao động hạng Ba và Cờ thi đua Đơn vị xuất sắc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
Năm 1995	Nhận Huân chương lao động hạng Nhì
Năm 1998	Nhận Huân chương lao động hạng Nhất
Năm 2008	Nhận Cờ thi đua Đơn vị Xuất sắc của Bộ Công thương, Bằng khen của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế
Năm 2009	Nhận Bằng khen của Bộ Công Thương, Bằng khen Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.
Năm 2010	Nhận Cờ Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của Chính phủ, Cờ Đơn vị sản xuất dẫn đầu Khối Doanh nghiệp tỉnh.
Năm 2011	Nhận Cờ thi đua Đơn vị xuất sắc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Bằng khen của Bộ Công Thương, Bằng khen Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.
Năm 2012	Cờ Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của Chính phủ.
Năm 2013	Nhận Huân chương Độc lập Hạng ba.
Năm 2014	Công ty nhận được Cờ thi đua của Bộ Công Thương.
Năm 2015	Công ty được Chính phủ tặng cờ Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua xuất sắc, được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế tặng cờ đơn vị thi đua xuất sắc, được Bộ LĐTBXH - Tổng LĐLĐVN và VCCI tiếp tục vinh danh danh hiệu doanh nghiệp tiêu biểu vì Người lao động.
Năm 2016	Công ty nhận được Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế tặng cờ đơn vị thi đua xuất sắc, tiếp tục được vinh danh danh hiệu doanh nghiệp tiêu biểu vì Người lao động lần thứ ba liên tiếp, Giấy khen của Cục Hải quan Thừa Thiên Huế, Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động.
Năm 2017	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế tặng cờ đơn vị thi đua xuất sắc, tiếp tục được vinh danh danh hiệu doanh nghiệp tiêu biểu vì Người lao động lần thứ tư, Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động.
Năm 2018	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế tặng bằng khen đơn vị thi đua xuất sắc, Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động.
Năm 2019	Cờ thi đua của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Cờ thi đua xuất sắc của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Danh hiệu Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động ngành Dệt May Việt Nam, Bằng khen của phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam.
Năm 2020	Bằng khen của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Cờ thi đua xuất sắc của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Danh hiệu Doanh nghiệp vì người lao động ngành Dệt May Việt Nam, Bằng khen của phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam.
Năm 2021	Cờ đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Cờ thi đua xuất sắc của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Danh hiệu Doanh nghiệp vì người lao động ngành Dệt May Việt Nam, Tập đoàn Dệt May Việt Nam vinh danh đơn vị dẫn đầu, Bằng khen có thành tích trong phong trào phòng Chống dịch Covid - 19, Bằng khen của phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam.
Năm 2022	Cờ đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2022, Danh hiệu Doanh nghiệp vì người lao động ngành Dệt May Việt Nam năm 2022, Bằng khen của phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam, Bằng khen của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Năm	Hình thức khen thưởng
Năm 2023	Danh hiệu "Doanh nghiệp xuất sắc năm 2023 lĩnh vực xuất khẩu" do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế trao tặng; Danh hiệu "Doanh nghiệp vì người lao động" do Bộ Lao động Thương binh Xã hội trao tặng; Cờ thi đua xuất sắc của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam; Đạt giải "Bàn tay vàng" và "Thoát chuyển nhanh nhất" đối với sản phẩm may dệt kim; giải "Bàn tay đồng" và "Sáng tạo" đối với sản phẩm áo jacket của Hội thi thợ giỏi ngành Dệt may năm 2023.

Mô hình Quản trị, Tổ chức Kinh doanh và Bộ máy Quản lý



4. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Đức Trí	Chủ tịch HĐQT	47.850	0,24%
2	Ông Nguyễn Văn Phong	Thành viên HĐQT	83.373	0,41%
3	Ông Lê Hồng Quân	Thành viên HĐQT	-	-
4	Bà Nguyễn Hồng Liên	Thành viên HĐQT	49.187	0,24%
5	Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên HĐQT	-	-

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Đức Trí
Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh: 09/02/1966

Nơi sinh: Quảng Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 47.850 cổ phần chiếm 0,24% VDL

Quá trình công tác:

03/1990 - 04/1994	Chuyên viên Công ty Thương mại tổng hợp Tam kỳ, Quảng Nam Đà Nẵng
05/1994 - 03/1997	Phó phòng KDXNK may Chi nhánh Vinatex Đà Nẵng
04/1997 - 05/2001	Trưởng phòng KDXNK may Chi nhánh Vinatex Đà Nẵng
05/2001 - 07/2001	Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Dệt May Hòa Thọ
08/2001 - 12/2005	Giám đốc Điều hành Công ty Dệt May Hòa Thọ
01/2006 - 12/2010	Phó Tổng Giám đốc Công ty Dệt May Hòa Thọ, nay là Tổng CTCP Dệt May Hòa Thọ
03/2010 - nay	Chủ tịch HĐQT CTCP May Hòa Thọ - Quảng Nam
01/2011 - 08/2020	Tổng Giám đốc Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ
06/2017 - 31/7/2020	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Tổng CTCP Dệt May Hòa Thọ
06/2017 - nay	Chủ tịch HĐQT Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ
01/2019 - 12/2019	Giám đốc Điều hành Tập Đoàn Dệt May Việt Nam
12/2019 - nay	Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam
05/2020 - nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Dệt May Huế
8/2020 - nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Dệt May Hòa Thọ

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam; Chủ tịch HĐQT Tổng CTCP Dệt May Hòa Thọ; Chủ tịch HĐQT Công ty CP May Hòa Thọ - Quảng Nam.

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Văn Phong Thành viên HĐQT

Năm sinh: 11/06/1961
Nơi sinh: Thừa Thiên Huế
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 83.373 cổ phần chiếm 0,41% VDL

Quá trình công tác:

10/1980 - 09/1996	Cán bộ nhà máy Sợi Huế
10/1996 - 09/1998	Bí thư Đoàn Thanh Niên Công ty Dệt Huế
10/1998 - 12/2003	Phó phòng Tổ chức - Hành chính CTCP Dệt May Huế
01/2004 - 02/2004	Phó Giám đốc nhà máy May CTCP Dệt May Huế
03/2004 - 09/2007	Giám đốc nhà máy máy CTCP Dệt May Huế
10/2007 - 12/2007	Trợ lý Tổng Giám đốc CTCP Dệt May Huế
01/2008 - 04/2008	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính CTCP Dệt May Huế
05/2008 - 09/2014	Trưởng BKS, Trưởng phòng Nhân sự CTCP Dệt May Huế
09/2014 - 03/2016	Giám đốc Điều hành CTCP Dệt May Huế
03/2016 - 03/2018	Phó Tổng Giám đốc CTCP Dệt May Huế
11/2017 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Dệt May Huế
03/2018 - nay	Tổng Giám đốc CTCP Dệt May Huế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Bà Nguyễn Hồng Liên Thành viên HĐQT

Năm sinh: 08/11/1978
Nơi sinh: Thừa Thiên Huế
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, Cử nhân Tiếng Anh
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 49.187 cổ phần chiếm 0,24% VDL

Quá trình công tác:

02/2000 - 11/2011	Chuyên viên phòng KHXNK CTCP Dệt May Huế
12/2011 - 12/2014	Phó phòng KHXNK May CTCP Dệt May Huế
04/2013 - 04/2018	Trưởng BKS CTCP Dệt May Huế
01/2015 - 06/2019	Trưởng phòng kế hoạch - XNK CTCP Dệt May Huế
06/2019 - 11/2023	Giám đốc Điều hành CTCP Dệt May Huế
05/2020 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Dệt May Huế
11/2023 - nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Dệt May Huế

Ông Lê Hồng Quân Thành viên HĐQT

Năm sinh: 02/07/1974
Nơi sinh: Quảng Bình
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Điện tử viễn thông
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không

Quá trình công tác:

04/1996 - 02/2003	Công tác tại CTCP Dệt May Huế
03/2003 - 03/2010	Công tác tại CTCP Sợi Phú Bài
01/2010 - 08/2010	Trưởng phòng Kỹ thuật ĐHSX CTCP Sợi Phú Bài
09/2010 - 11/2012	Giám đốc phụ trách Dây chuyền 1 - CTCP Sợi Phú Bài
12/2012 - 06/2022	Phó Tổng Giám đốc CTCP Sợi Phú Bài
2013 - 08/2016	Giám đốc Chi nhánh nhà máy Sợi Phú Xuyên
07/2022 - nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Dệt May Huế
04/2023 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Dệt May Huế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không



LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Ngọc Bình
Thành viên HĐQT

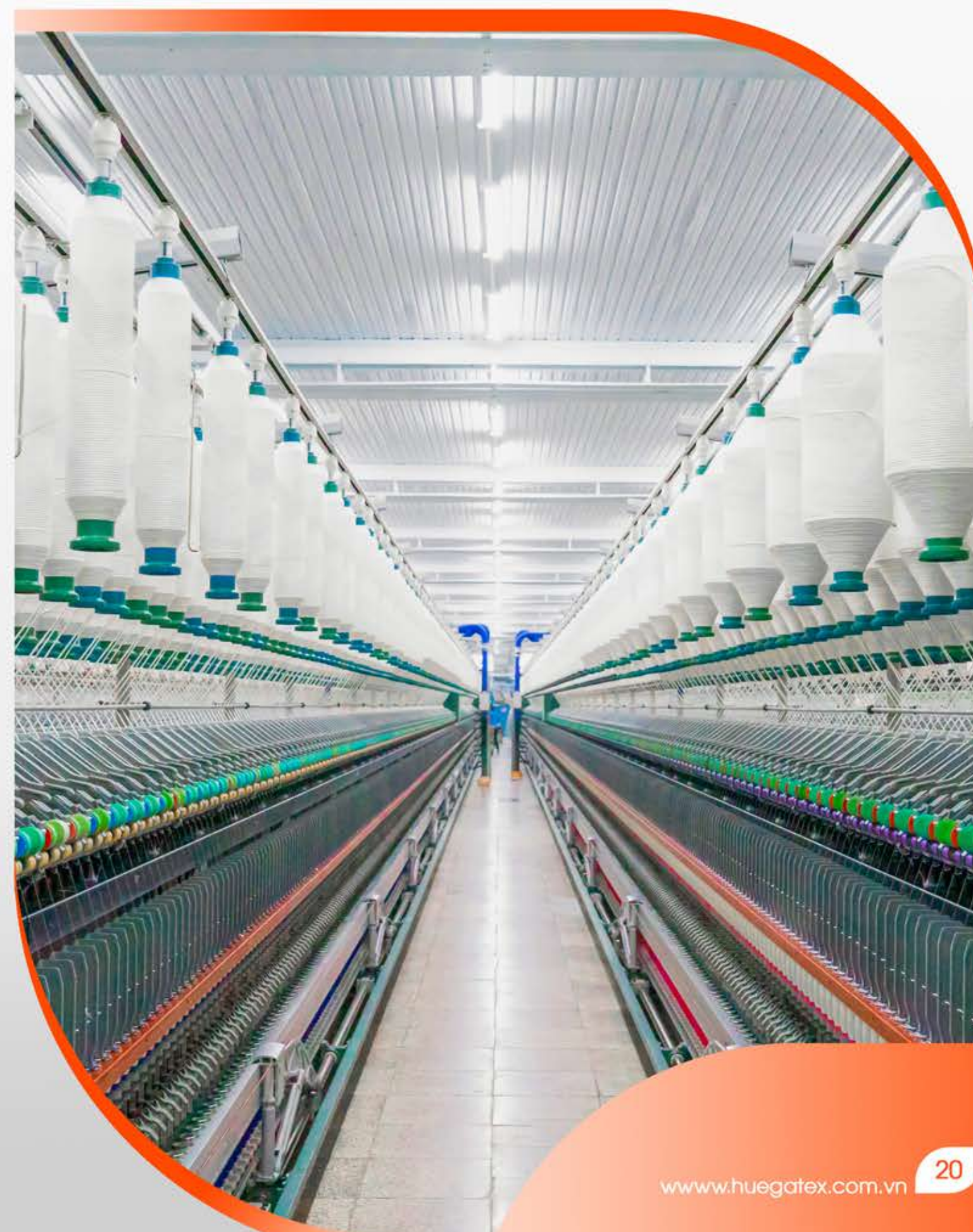
Năm sinh: 10/05/1976
Nơi sinh: TP. Đà Nẵng
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không
Quá trình công tác:

1999 - 2000	Cán bộ XN May 1 - Công ty Dệt May Hòa Thọ
2001 - 2002	Cán bộ Phòng KD-XNK May - Công ty Dệt May Hòa Thọ
2003 - 2004	Phó Phòng KD-XNK May - Công ty Dệt May Hòa Thọ
2005 - 2007	Phó TP.KD-XNK Sợi - Công ty Dệt May Hòa Thọ
2008 - 2011	Phó Tổng Giám đốc Công ty Sợi Hòa Thọ - Tổng CTCP Dệt May Hòa Thọ
2012 - 2013	Trưởng phòng Kinh doanh Sợi Tổng CTCP Dệt May Hòa Thọ
2013 - 2014	Giám đốc Điều hành, Trưởng phòng Kinh doanh Sợi Tổng CTCP Dệt May Hòa Thọ
07/2014 - nay	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc Tổng CTCP Dệt May Hòa Thọ
03/2015 - nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Sợi Hòa Thọ Thăng Bình
11/2015 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Cơ khí xây dựng Hòa Thọ
06/2017 - nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng CTCP Dệt May Hòa Thọ
06/2022 - nay	Thành viên HĐQT Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP
04/2023 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Dệt May Huế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tổng CTCP Dệt May Hòa Thọ; Chủ tịch HĐQT CTCP Sợi Hòa Thọ Thăng Bình; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Cơ khí xây dựng Hòa Thọ; Thành viên HĐQT Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP.

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT NĂM 2023

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Bá Quang	Thành viên HĐQT	05/2020	04/2023
2	Ông Hồ Ngọc Lan	Thành viên HĐQT	12/2005	04/2023
3	Ông Lê Hồng Quân	Thành viên HĐQT	04/2023	-
4	Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên HĐQT	04/2023	-



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Phan Nữ Quỳnh Anh	Trưởng BKS	7.359	0,04%
2	Bà Phạm Thị Vân Hà	Thành viên BKS	5.800	0,03%
3	Ông Hồ Nam Phong	Thành viên BKS	23.453	0,12%

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Bà Phan Nữ Quỳnh Anh Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 21/04/1988
Nơi sinh: Thừa Thiên Huế
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 7.359 cổ phần chiếm 0,04% VDL

Quá trình công tác:

07/2012 - 11/2014	Giao dịch viên Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Huế
10/2015 - 09/2017	Chuyên viên kế toán Ban đời sống CTCP Dệt May Huế
10/2017 - 05/2020	Chuyên viên Ban Kiểm soát nội bộ CTCP Dệt May Huế
05/2020 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Dệt May Huế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Ông Hồ Nam Phong Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 13/06/1980
Nơi sinh: Thừa Thiên Huế
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, Cử nhân Toán
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 23.453 cổ phần chiếm 0,12% VDL

Quá trình công tác:

01/2013 - 12/2014	Chuyên viên phòng Nhân sự CTCP Dệt May Huế
01/2015 - 12/2018	Phó phòng Nhân sự CTCP Dệt May Huế
21/03/2015 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Dệt May Huế
01/2019 - 11/2023	Trưởng phòng Nhân sự CTCP Dệt May Huế
11/2023 - nay	Giám đốc nhà máy May 1 CTCP Dệt May Huế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Bà Phạm Thị Vân Hà Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 16/09/1982
Nơi sinh: Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 5.800 cổ phần chiếm 0,3% VDL

Quá trình công tác:

2006 - 2011	Chuyên viên phòng Thị trường Nhật Bản CTCP Hợp tác Lao động và TM
2011 - 2020	Chuyên viên Ban TCKT Tập đoàn Dệt May Việt Nam
04/2018 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Dệt May Huế
2020 - nay	Chuyên viên Ban THPC Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Văn Phong	Tổng Giám đốc	83.373	0,41%
2	Ông Hồ Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc	77.713	0,39%
3	Ông Lê Hồng Quân	Phó Tổng Giám đốc	-	-
4	Ông Nguyễn Tiến Hậu	Phó Tổng Giám đốc	56.782	0,28%
5	Bà Nguyễn Hồng Liên	Phó Tổng Giám đốc	49.187	0,24%
6	Ông Đào Văn Tư	Giám đốc điều hành	39.960	0,20%
7	Bà Trần Thị Thuấn	Giám đốc điều hành	23.453	0,12%
8	Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng	Giám đốc điều hành	21.896	0,11%
9	Bà Nguyễn Khánh Chi	Kế toán trưởng	33.566	0,17%

Lý lịch Thành viên Ban Điều hành

Ông Nguyễn Văn Phong - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Đã trình bày ở mục lý lịch Thành viên HĐQT

Ông Lê Hồng Quân - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Đã trình bày ở mục lý lịch Thành viên HĐQT

Bà Nguyễn Thị Hồng Liên - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Đã trình bày ở mục lý lịch Thành viên HĐQT

Ông Hồ Ngọc Lan Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 14/08/1963

Nơi sinh: Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Sợi - Dệt, Cử nhân Ngoại ngữ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 77.713 cổ phần chiếm 0,39% VDL

08/1988 - 03/1994	Cán bộ kỹ thuật nhà máy Sợi Huế
04/1994 - 09/2000	Phó Giám đốc nhà máy Dệt CTCP Dệt May Huế
10/2000 - 12/2002	Giám đốc nhà máy dệt CTCP Dệt May Huế
01/2003 - 11/2003	Trợ lý Tổng Giám đốc CTCP Dệt May Huế
12/2003 - 11/2005	Giám đốc Điều hành CTCP Dệt May Huế
12/2005 - nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc CTCP Dệt May Huế
12/2005 - 03/2024	Thành viên HĐQT CTCP Dệt May Huế
08/2008 - nay	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc CTCP Đầu tư Dệt may Thiên An Phát

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Ông Nguyễn Tiến Hậu Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 20/09/1965

Nơi sinh: Thừa Thiên Huế

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 56.782 cổ phần chiếm 0,28% VDL

Quá trình công tác:

12/1988 - 12/1989	Tổ trưởng sản xuất, phân xưởng sợi, Nhà máy Sợi Huế
01/1990 - 03/1994	Trưởng ca, phân xưởng Sợi, Nhà máy Sợi Huế
04/1994 - 12/1999	Quản đốc phân xưởng nhà máy Sợi, Công ty Dệt Huế
01/2000 - 12/2002	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh CTCP Dệt may Huế
01/2003 - 12/2014	Phó phòng Tổ chức - Hành chính CTCP Dệt may Huế
01/2015 - 03/2018	Trưởng phòng Nhân sự CTCP Dệt may Huế
04/2018 - 06/2023	Giám đốc Điều hành CTCP Dệt may Huế
06/2023 - nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Dệt May Huế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Đào Văn Tư Giám đốc Điều hành

Năm sinh: 20/10/1970
Nơi sinh: Nam Định
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Cao đẳng May
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 39.960 cổ phần chiếm 0,20% VDL
Quá trình công tác:

12/1999 - 12/2001	Nhân viên phụ trách kỹ thuật nhà máy May Công ty Dệt May Huế
01/2002 - 12/2004	Chuyên trưởng chuyên may Công ty Dệt May Huế
01/2005 - 12/2007	Tổ trưởng Tổ kỹ thuật nhà máy May CTCP Dệt May Huế
01/2008 - 12/2008	Tổ trưởng Tổ KCS nhà máy May CTCP Dệt May Huế
01/2009 - 05/2013	Nhân viên phòng QLCL CTCP Dệt May Huế
06/2013 - 08/2014	Phó phòng QLCL CTCP Dệt May Huế
09/2014 - 12/2017	Giám đốc nhà máy May 2 CTCP Dệt May Huế
01/2018 - 09/2018	Phó Giám đốc CN Quảng Bình kiêm GD nhà máy May Quảng Bình
10/2018 - 09/2021	Giám đốc nhà máy May 2 CTCP Dệt May Huế
10/2021 - nay	Giám đốc Điều hành CTCP Dệt May Huế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng Giám đốc Điều hành

Năm sinh: 30/06/1986
Nơi sinh: Thanh Hoá
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 21.896 cổ phần chiếm 0,24% VDL
Quá trình công tác:

12/2012 - 08/2014	Chuyên viên điều độ nhà máy May CTCP Dệt May Huế
09/2014 - 07/2018	Phó Giám đốc nhà máy May 1 CTCP Dệt May Huế
08/2018 - 12/2028	Phó Giám đốc Phụ trách nhà máy May 1 CTCP Dệt May Huế
01/2019 - 06/2020	Giám đốc nhà máy May 1 CTCP Dệt May Huế
03/2019 - nay	Giám đốc Chi nhánh Quảng Bình CTCP Dệt May Huế
07/2022 - nay	Giám đốc Điều hành CTCP Dệt May Huế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Bà Trần Thị Thuần Giám đốc Điều hành

Năm sinh: 10/10/1972
Nơi sinh: Quảng Bình
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Cao đẳng May
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 23.453 cổ phần chiếm 0,12% VDL
Quá trình công tác:

1990 - 1993	Văn thư Nhà máy Dệt Huế
1994 - 1998	Đi học tại trường Kỹ thuật Công nghiệp Nam Định
1998 - 2002	Cán bộ kỹ thuật nhà máy May Công ty Dệt May Huế
2003 - 2009	Tổ trưởng Tổ Công nghệ nhà máy May CTCP Dệt May Huế
2010 - 2013	Phó Giám đốc nhà máy May CTCP Dệt May Huế
2014 - 2016	Phó phòng Quản lý Chất lượng CTCP Dệt May Huế
2017 - 2018	Trưởng phòng Quản lý Chất lượng CTCP Dệt May Huế
2018 - 2019	TP Quản lý Chất lượng kiêm Giám đốc nhà máy May 2 CTCP Dệt May Huế
2020 - 2023	Giám đốc nhà máy May 1 CTCP Dệt May Huế
07/2022 - nay	Giám đốc Điều hành CTCP Dệt May Huế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Bà Nguyễn Khánh Chi Kế toán trưởng

Năm sinh: 16/12/1982
Nơi sinh: Thừa Thiên Huế
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 33.566 cổ phần chiếm 0,19% VDL
Quá trình công tác:

03/2005 - 11/2011	Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán CTCP Dệt May Huế
12/2011 - 09/2019	Phó Phòng Tài chính Kế toán CTCP Dệt May Huế
10/2019 - 01/2020	Trưởng Phòng Tài chính Kế toán CTCP Dệt May Huế
02/2020 - nay	Kế toán trưởng CTCP Dệt May Huế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

DANH SÁCH THAY ĐỔI BAN VIÊN ĐIỀU HÀNH NĂM 2023

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Tiến Hậu	Phó Tổng Giám đốc	06/2023	-
2	Bà Nguyễn Hồng Liên	Phó Tổng Giám đốc	11/2023	-

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Năm 2022	Năm 2023	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	4.732	4.489	94,8%
1	Đại học, trên Đại học	289	289	100%
2	Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	432	444	103%
3	Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông	3.889	3.634	93,4%
B	Theo đối tượng lao động	4.732	4.489	94,8%
1	Lao động trực tiếp	4.401	4.162	94,5%
2	Lao động gián tiếp	331	327	98,7%
C	Theo giới tính	4.732	4.489	94,8%
1	Nam	1.368	1.194	87,3%
2	Nữ	3.364	3.295	97,9%

Lương thưởng, phúc lợi:

Công ty thực hiện chính sách về tiền lương, thưởng và phúc lợi để khuyến khích nhân viên làm việc lâu dài tại công ty, đặc biệt là những nhân viên có kinh nghiệm chuyên môn và nghiệp vụ. Có chính sách khen thưởng với các cá nhân, tập thể có những đóng góp vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2023, số lượng lao động bình quân là 4.605, thu nhập bình quân 8.839.000 đồng/người/tháng. CBCNV được thưởng 2 tháng lương 13.

Công tác đào tạo và môi trường công việc:

Xây dựng và lan toả văn hoá doanh nghiệp đến toàn thể CBCNV nhằm xây dựng môi trường làm việc văn minh, tôn trọng và hiệu quả.

Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, hướng dẫn để nhân viên mới thực hiện tốt công việc, hoà nhập nhanh với môi trường làm việc của Công ty.

Đào tạo nhân viên bộ phận nghiệp vụ và cán bộ quản lý để nâng cao tay nghề, chuyên môn và kỹ năng điều hành và quản lý. Ngoài ra, các cấp quản lý và lãnh đạo của công ty cũng sẽ được tạo điều kiện để tham dự các hội thảo và buổi nói chuyện chuyên đề liên quan đến lĩnh vực của họ.

Công tác tuyển dụng

Công ty có mục tiêu góp phần tạo ra công ăn việc làm và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, và do đó ưu tiên tuyển dụng nhân sự từ các khu vực lân cận nơi Công ty đóng trụ sở. Đối với nhân viên các Phòng/Ban đòi hỏi bằng cấp, trình độ và kinh nghiệm, Công ty luôn tạo điều kiện thu hút các ứng viên tốt nghiệp từ các trường đại học, cao đẳng uy tín, cũng như các ứng viên có kinh nghiệm và nhiệt huyết muốn làm việc lâu dài tại công ty. Đối với công nhân sản xuất trực tiếp, công ty liên tục tuyển dụng để bổ sung vào đường chuyền và cung cấp nhiều chính sách hỗ trợ.



5. NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH



5.1 Ngành Sợi

Năng lực sản xuất:

10.000

tấn sợi/năm

Công ty có 1 nhà máy Sợi được trang bị 4 dây chuyền thiết bị nhập khẩu từ Đức, Thụy Sĩ, Nhật Bản.

Sản xuất các loại sợi: sợi nổi cọc dệt thoi và dệt kim, sợi đơn, sợi xe, sợi compact, sợi thường, sợi tái chế, sợi viscose với chỉ số từ 16 đến 50.

Nguồn nguyên liệu được nhập khẩu từ Mỹ, Brazil, Australia...

5.2 Ngành Dệt Nhuộm

Sản lượng sản xuất:

1.500

tấn vải/năm

Công ty có 1 nhà máy Dệt Nhuộm được trang bị máy móc hiện đại từ Mỹ, Châu Âu và Nhật Bản.

Sản xuất các loại vải: vải single polyester filament, polyester filament cải spandex 5%-12%, vải interlock, vải dệt từ sợi recycled,....

5.3 Ngành May

Sản lượng sản xuất:

30.000.000

sản phẩm/năm

Công ty có 5 nhà máy May, 82 chuyền may, được trang bị các máy móc hiện đại nhập khẩu từ Đài Loan, Nhật Bản,... được vận hành bởi hơn 4000 lao động có trình độ tay nghề cao.

Sản phẩm chính: Polo shirt, T - shirt, jacket, quần dài, sleepwear, bra, váy,...

5. CÁC THỊ TRƯỜNG KINH DOANH CHÍNH



Chú thích:

 : Thị trường xuất khẩu ngành Sợi

 : Thị trường xuất khẩu ngành May

CHƯƠNG II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VÀ ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị hoạt động trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật; Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 và tình hình thực tế của Công ty, năm 2023, Hội đồng quản trị tham dự 28 cuộc họp trong đó có 05 cuộc họp trực tiếp và 23 cuộc họp với hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp trực tiếp của Hội đồng quản trị cũng như lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản đều tuân thủ đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty

Hội đồng quản trị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban Giám đốc nhằm đảm bảo hoạt động Công ty tuân thủ đúng pháp luật, bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị để triển khai thực hiện nhiệm vụ. Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh thông qua báo cáo của Ban Điều hành Công ty. Kiểm tra và giám sát tình hình thực hiện, quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh và thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị của Ban Giám đốc Công ty.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Đức Trí	28	100%	
2	Ông Nguyễn Bá Quang	09	32,14%	Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2023
3	Ông Nguyễn Văn Phong	28	100%	
4	Ông Hồ Ngọc Lan	09	32,14%	Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2023
5	Bà Nguyễn Hồng Liên	28	100%	
6	Ông Lê Hồng Quân	19	67,86%	Được bổ nhiệm từ ngày 26/04/2023
5	Ông Nguyễn Ngọc Bình	19	67,86%	Được bổ nhiệm từ ngày 26/04/2023

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban trực thuộc. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một cán bộ làm Thư ký Hội đồng quản trị; Khi cần thiết Hội đồng quản trị sử dụng các cán bộ quản lý Công ty để giúp việc cho Hội đồng quản trị.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Quyết định số 25/QĐ-HĐQT	06/01/2023	Quyết định phê duyệt giãn tiến độ xây dựng kho nguyên liệu May 4	100%
2	Nghị quyết 50/NQ-HĐQT	11/01/2023	Thông qua kế hoạch SXKD năm 2022 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2023	100%
3	Quyết định số 51/QĐ-HĐQT	11/01/2023	Quyết định phê duyệt tiền lương Tổng Giám đốc năm 2023.	100%
4	Quyết định số 57/QĐ-HĐQT	12/01/2023	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu dự án xây dựng kho nguyên liệu May 4.	100%
5	Quyết định 216/QĐ-HĐQT	13/02/2023	Quyết định phê duyệt triển khai dự án đầu tư nhà máy May 3 tầng	100%
6	Quyết định 275/QĐ-HĐQT	01/03/2023	Nghị quyết thông quan thời gian cuối cùng chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ	100%
7	Nghị quyết 346/NQ-HĐQT	30/03/2023	Thông qua các nội dung trình tại ĐHĐCĐ năm 2023	100%
8	Nghị quyết 363/NQ-HĐQT	06/04/2023	Thông qua việc cấp tín dụng dự án đầu tư xây dựng nhà máy May 3 tầng tại Ngân hàng TMCP BIDV	100%
9	Nghị quyết 397/NQ-HĐQT	12/04/2023	Thông qua kết quả SXKD quý I và kế hoạch nhiệm vụ quý II	100%
10	Nghị quyết 398/NQ-HĐQT	12/04/2023	Thông qua việc khen thưởng các thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban kiểm soát Công ty	100%
11	Nghị quyết 489/NQ-HĐQT	06/05/2022	Thông qua việc thực hiện quyền mua cổ phần tại Công ty CP Sợi Phú Bài	100%
12	Nghị quyết 501/NQ-HĐQT	15/05/2023	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2022	100%
13	Nghị quyết 530/NQ-HĐQT	29/05/2023	Thông qua thời gian cuối cùng chốt danh sách chi trả cổ tức năm 2022	100%
14	Nghị quyết 535/NQ-HĐQT	30/05/2023	Thông qua chủ trương nghiên cứu thành lập phòng Công nghệ May	100%
15	Nghị quyết 536/QĐ-HĐQT	30/05/2023	Quyết định về việc phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028	100%

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VÀ ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
16	Nghị quyết 626/NQ-HĐQT	26/06/2023	Thông qua việc thay đổi điều lệ, điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký bổ sung chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung	100%
17	Quyết định 665/QĐ-HĐQT	01/07/2023	Thông qua việc triển khai dự án đầu tư bổ sung thiết bị nhà máy sợi năm 2023	100%
18	Quyết định 684/QĐ-HĐQT	06/07/2023	Phê duyệt đầu tư dự án hệ thống lò hơi, lò dầu tải nhiệt năm 2023	100%
19	Nghị quyết 700/NQ-HĐQT	10/07/2023	Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm và triển khai kế hoạch nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023	100%
20	Nghị quyết 746/NQ-HĐQT	17/07/2023	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Huế	100%
21	Nghị quyết 839/NQ-HĐQT	14/08/2023	Thông qua việc thành lập phòng Nghiên cứu phát triển và đổi tên Trạm Y tế thành Phòng Y tế	100%
22	Quyết định 840/QĐ-HĐQT	14/08/2023	Quyết định thành lập phòng Nghiên cứu phát triển	100%
23	Quyết định 848/QĐ-HĐQT	15/08/2023	Quyết định đổi tên Trạm Y tế thành Phòng Y tế	100%
24	Nghị quyết 863/NQ-HĐQT	17/08/2023	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Huế	100%
25	Quyết định 910/QĐ-HĐQT	04/09/2023	Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các khoản mục chi phí dự án đầu tư xây dựng nhà máy May 3	100%
26	Quyết định 912/QĐ-HĐQT	04/09/2023	Phê duyệt điều chỉnh hồ sơ mời thầu gói thầu Cung cấp, lắp đặt, chuyển giao công nghệ hệ thống lò hơi lò dầu tải nhiệt	100%
27	Quyết định 914/QĐ-HĐQT	04/09/2023	Phê duyệt chấm dứt hợp đồng thuê đất tại khu công nghiệp Phú Bài	100%
28	Quyết định 939/QĐ-HĐQT	12/09/2023	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành dự án Xây dựng hồ chỉ thị sinh học môi trường	100%
29	Quyết định 987/QĐ-HĐQT	21/09/2023	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư máy móc thiết bị hoàn thành dự án đầu tư chiều sâu thiết bị may năm 2023	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
30	Nghị quyết 1088/NQ-HĐQT	20/10/2023	Về việc đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm và kế hoạch nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2023	100%
31	Quyết định 1089/QĐ-HĐQT	20/10/2023	Bổ nhiệm bà Nguyễn Hồng Liên giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc	100%
32	Quyết định 1090/QĐ-HĐQT	20/10/2023	Cử ông Lê Hồng Quân - TV HĐQT, PTGD Công ty làm người đại diện vốn tại các Công ty có góp vốn	100%
33	Quyết định 1091/QĐ-HĐQT	20/10/2023	Cử ông Nguyễn Văn Phong - TV HĐQT, TGD Công ty làm người đại diện vốn tại các Công ty có góp vốn	100%
34	Quyết định 1092/QĐ-HĐQT	20/10/2023	Cử ông Hồ Ngọc Lan - PTGD Công ty làm người đại diện vốn tại các Công ty có góp vốn	100%
35	Nghị quyết 1120/NQ-HĐQT	31/10/2023	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Huế	100%
36	Nghị quyết 1234/NQ-HĐQT	04/12/2023	Về việc tạm ứng cổ tức năm 2023	100%
37	Quyết định 1381/QĐ-HĐQT	30/12/2023	Phê duyệt quyết toán đầu tư thiết bị máy móc hoàn thành Dự án đầu tư chiều sâu thiết bị sợi 2021 - 2023	100%
38	Quyết định 1410/QĐ-HĐQT	30/12/2023	Phê duyệt quyết toán đầu tư xây dựng công trình, thiết bị máy móc hoàn thành dự án xây dựng kho nguyên liệu nhà máy May 4	100%

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VÀ ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 2023

Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, quyết định hợp lý nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi để Ban Điều hành hoàn thành nhiệm vụ SXKD do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Bên cạnh các chỉ tiêu về phát triển kinh doanh, Hội đồng quản trị cũng luôn có trách nhiệm giám sát, thúc đẩy các hoạt động liên quan đến môi trường, đóng góp xã hội, nhằm hướng đến một sự phát triển toàn diện và bền vững của Công ty trong dài hạn.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH2023	TH2023	TH2023/ KH2023
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.932	1.884	97,5%
2	Lợi nhuận kế toán trước thuế	Tỷ đồng	120	121,2	101,2%

Doanh thu

1.884 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế

121,2 tỷ đồng



Đánh giá hoạt động của Ban Điều hành công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Điều hành Công ty, trong điều kiện khó khăn đã hoàn thành nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

- ✓ Các thành viên trong Ban Điều hành đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp.
- ✓ Tổng Giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành và định kỳ tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc và giao kế hoạch công việc kỳ tới.
- ✓ Ban Điều hành đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật; không ngừng đổi mới công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; quan tâm và không ngừng nâng cao chất lượng cán bộ quản lý của Công ty.



1. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VÀ ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiền lương và thù lao HĐQT năm 2023

Tiền lương và thù lao của HĐQT thực hiện theo Nghị quyết của ĐHCĐ đã được thông qua tại ĐHCĐ thường niên năm 2023.

Kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2024:

- Tổ chức các phiên họp HĐQT định kỳ theo quy định để nghe các báo cáo, kiến nghị của Ban điều hành, báo cáo của Ban kiểm soát, thảo luận thông qua các báo cáo, đề án, dự án, kế hoạch, chính sách... trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tổ chức công tác kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất đảm bảo việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, việc tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các Quy chế nội bộ của Công ty. Tổ chức các phiên họp đột xuất để giải quyết các công việc phát sinh theo thẩm quyền của HĐQT được quy định trong Điều lệ hoạt động của Công ty.

- Chỉ đạo Ban Điều hành tập trung công tác đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng; đầu tư mở rộng quy mô sản xuất và đầu tư chiều sâu thiết bị theo hướng tự động hóa cao, công nghệ xanh, năng lượng sạch; tích cực quản trị dòng tiền, giảm thiểu rủi ro tài chính, xây dựng giải pháp, chiến lược nguồn tài chính cho công tác đầu tư chiều sâu và đào tạo nguồn nhân lực.

- Đề xuất phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức để trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023 và phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn trong năm 2023.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch và mục tiêu sản xuất kinh doanh để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.920
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	110
3	Tỷ lệ chia cổ tức		30%



2. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban Kiểm Soát

Các cuộc họp của Ban Kiểm Soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Phan Nữ Quỳnh Anh	Trưởng BKS	03	100%
2	Ông Hồ Nam Phong	Thành viên BKS	03	100%
3	Bà Phạm Thị Vân Hà	Thành viên BKS	03	100%

Hoạt động của Ban Kiểm Soát

Trong năm Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp để đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban Điều hành Công ty và 01 cuộc họp sau khi được Đại hội đồng cổ đông bầu lại các thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023 - 2028. Đồng thời, Ban kiểm soát đã họp và thống nhất thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH KPMG là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2023

Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi, hội ý để nắm bắt tình hình, công tác quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Điều hành nhằm tăng cường giám sát, bảo đảm quyền lợi cho các cổ đông.

Cử đại diện tham dự các cuộc họp HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động SXKD của Công ty, các chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT, công tác quản lý nguồn vốn, thu hồi công nợ. Thẩm định báo cáo tài chính mỗi quý, báo cáo tài chính năm.

Hoạt động giám sát đối với HĐQT

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức 4 phiên họp định kỳ và nhiều phiên họp lấy ý kiến khác, bám sát các chủ trương của ĐHCĐ để cùng thống nhất ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến định hướng phát triển cùng các giải pháp kinh doanh, đầu tư của Công ty nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông.

Hội đồng quản trị cũng thường xuyên chỉ đạo, sâu sát tình hình và hỗ trợ Ban Điều hành trong việc triển khai thực hiện nghị quyết ĐHCĐ. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều được ban hành đúng thẩm quyền, kịp thời, đáp ứng được yêu cầu điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hoạt động công bố thông tin của Công ty đã được thực hiện đầy đủ và tuân thủ quy định của pháp luật.

Hoạt động giám sát đối với Ban Điều hành:

Trong năm Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp để đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban Điều hành Công ty và 01 cuộc họp sau khi được Đại hội đồng cổ đông bầu lại các thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023 - 2028. Đồng thời, Ban kiểm soát đã họp và thống nhất thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH KPMG là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2023

Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi, hội ý để nắm bắt tình hình, công tác quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Điều hành nhằm tăng cường giám sát, bảo đảm quyền lợi cho các cổ đông.

Cử đại diện tham dự các cuộc họp HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động SXKD của Công ty, các chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT, công tác quản lý nguồn vốn, thu hồi công nợ. Thẩm định báo cáo tài chính mỗi quý, báo cáo tài chính năm.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành:

Ban Kiểm soát đã được HĐQT, Ban Điều hành Công ty tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, việc thu thập thông tin cũng như tài liệu phục vụ công tác giám sát

Tiền lương và thù lao Ban Kiểm soát năm 2023

Tiền lương và thù lao của Ban Kiểm soát thực hiện theo Nghị quyết của ĐHCĐ đã được thông qua tại ĐHCĐ thường niên năm 2023



3. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2023

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2022	KH 2023	TH 2023	TH 2023/ TH 2022	TH 2023/ KH 2023
I	Sản phẩm chủ yếu						
1	Sợi các loại (quy đổi Ne 30)	Tấn	9.970	10.440	8.900	89.27%	85.25%
2	Vải dệt kim	Tấn	1.260	1.260	1.118	88.73%	88.73%
3	Sản phẩm may	Ngàn chiếc	24.664	25.100	19.700	79.87%	78.49%
II	Giá trị SXCN	Tỷ đồng	1.986	1.881	1.813	91.29%	96.38%
III	Doanh thu	Tỷ đồng	2.057	1.932	1.884	91.59%	97.52%
1	Sợi	Tỷ đồng	762	700	610	80.05%	87.14%
2	May	Tỷ đồng	1.218	1.181	1.202	98.69%	101.78%
3	Khác (bao gồm Doanh thu cửa hàng và tài chính)	Tỷ đồng	77	51	72	93.51%	141.18%
V	Kim ngạch XK tính đủ	Tr. USD	131	127	104	79.39%	81.89%
1	Sợi (kể cả KDTM)	Tr. USD	28	27,3	23	82.14%	84.25%
2	May	Tr. USD	103	99,7	81	78.64%	81.24%
VII	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	171	120	121	70.76%	100.83%
VIII	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	57		46	80.70%	

Bối cảnh:

Dệt May Huế gặp khó khăn trong tất cả các ngành. Ngành Sợi đơn hàng khó khăn, thường xuyên bán dưới giá thị trường. Ngành Dệt Nhuộm – May đơn hàng nhỏ, lẻ, giao hàng nhanh, yêu cầu khắt khe hơn về chất lượng và tuân thủ trên nền giá giảm sâu so với trước đây (có nhiều đơn hàng giá giảm đến 40%).

Về công tác thị trường:

Về lĩnh vực Sợi: Công tác chăm sóc khách hàng đã có những đột phá rõ rệt, tăng 25 khách hàng so với năm trước. Xây dựng nhiều kịch bản thị trường để có kế hoạch sản xuất phù hợp, linh hoạt theo sự chuyển biến thị trường. Sự kết nối, phối hợp nhịp nhàng giữa kinh doanh và sản xuất tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bán hàng.

Lĩnh vực Dệt Nhuộm May: Tình hình đơn hàng năm 2023 khó khăn hơn nhiều so với năm 2022, đơn hàng nhỏ lẻ, giao hàng nhanh và đơn hàng số lượng lớn nhưng giá thấp. Công tác chăm sóc khách hàng ngày càng được chú trọng, qua đó tăng sự tương tác, mức độ gắn bó giữa Công ty và khách hàng. Năm 2023 đã phát triển thêm 07 khách hàng mới và 03 khách hàng trở lại sau thời gian không có đơn hàng.

Về công tác tài chính:

Đã thực hiện tăng vốn điều lệ Công ty từ 152,25 tỷ đồng lên 200,96 tỷ đồng. Đảm bảo nguồn vốn phục vụ SXKD và đầu tư, đảm bảo hồ sơ chứng từ được kiểm soát, tuân thủ quy định của pháp luật. Sử dụng nhiều công cụ tài chính để cân đối dòng tiền, đảm bảo thanh toán, duy trì số dư tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính phù hợp, tiết kiệm chi phí tài chính cho Công ty. Công tác báo cáo thuế, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo Tập đoàn hàng tháng, hàng quý được thực hiện nghiêm túc, đúng tiến độ quy định, chất lượng báo cáo ngày càng được chú trọng.

Về công tác nguồn nhân lực:

- Lao động toàn Công ty: 4.489 người, Giảm 5% so với năm 2022, tỷ lệ biến động lao động là 19,2%, tăng 2,4 điểm phần trăm so với năm 2022.
- Thu nhập bình quân: 8,9 triệu đồng/người/tháng, Giảm gần 8% so với cùng kỳ năm 2022.
- Sắp xếp lại lao động phòng QLCL, cửa hàng, thành lập phòng NCPT, định hướng xây dựng Trung tâm NCPT thời trang theo chiến lược Công ty. Kiện toàn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh cán bộ Lãnh đạo, quản lý. Bổ nhiệm PTGD Nội chính và PTGD khối May. Điều động TP.KDS đảm nhiệm chức danh GE NM Dệt Nhuộm, TP.NS đảm nhiệm chức danh GE NM May 1. Bổ nhiệm 05 chức danh Trưởng, Phó các đơn vị.
- Tổ chức các khóa đào tạo cập nhật định kỳ chính sách, quy chế, quy định của Công ty. Phối hợp TĐ DMVN triển khai HK II lớp Young Talent và phân công huấn luyện viên hướng dẫn sau đào tạo. Phối hợp Trường ĐHCNDM Hà Nội tổ chức khóa đào tạo Kỹ sư Công nghệ Sợi – Dệt.

Về công tác quản trị sản xuất:

Các nhà máy đều linh hoạt, chủ động và sáng tạo để thích ứng với các kịch bản của thị trường cũng như thực hiện các giải pháp để tổ chức sản xuất được các đơn hàng nhỏ, lẻ, giao hàng nhanh, yêu cầu khắt khe về chất lượng. Các đơn vị vẫn kiên định mục tiêu đảm bảo chất lượng, xác định chất lượng là vấn đề sống còn. Chất lượng sản phẩm Công ty nhìn chung vẫn đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng. Công tác kiểm soát chi phí được triển khai rộng rãi tại tất cả các đơn vị, góp phần vào hiệu quả chung của Công ty trước bối cảnh giá bán các sản phẩm giảm trong khi giá năng lượng, NPL, VTPT đầu vào đều tăng.

Về công tác đầu tư:

Công ty đã triển khai 07 dự án đầu tư (04 dự án chuyển tiếp, 03 dự án mới với tổng mức đầu tư là 408 tỷ đồng (đã bao gồm VAT), trong đó dự án nhà máy May 3 tầng đã hoàn thành thủ tục và được cấp giấy phép xây dựng.



2. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	2023/2022
Chi phí nguyên vật liệu	944.694.164.843	862.867.413.400	91,34%
Chi phí nhân công	675.294.827.694	496.927.661.320	73,59%
Chi phí khấu hao	56.013.199.085	65.257.277.958	116,50%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	166.461.358.890	153.729.448.929	92,35%
Chi phí khác	43.477.144.333	30.358.615.318	69,83%
Cộng	1.885.940.694.845	1.609.140.416.925	85,32%

GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Nội dung giao dịch	Tổng giá trị giao dịch (VNĐ)
1	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	Tổ chức có liên quan của Ông Nguyễn Đức Trí - CT HĐQT	Tiền lãi cho vay	9.756.742.807
			Bán hàng hóa dịch vụ	146.155.828
2	Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ	Tổ chức có liên quan của ông Nguyễn Đức Trí - CT HĐQT	Mua hàng hóa dịch vụ	71.610.515
			Bán hàng hóa dịch vụ	62.721.064

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% 2023/2022
Tổng giá trị tài sản	1,167,575,136,820	1,206,140,638,116	103%
Doanh thu thuần	2,010,435,477,164	1,842,265,322,528	92%
Giá vốn hàng bán	1,706,832,221,202	1,603,526,014,992	94%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	170,051,996,142	119,490,551,267	70%
Lợi nhuận khác	10,202,794,082	1,671,521,487	16%
Lợi nhuận trước thuế	180,254,790,224	121,162,072,754	67%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	145,296,078,531	95,158,549,013	65%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	72%	30%	42%



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1.29	1.31
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0.61	0.88
Cơ cấu tài chính			
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1.81	1.77
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	lần	0.64	0.64
Hiệu suất hoạt động			
Hiệu suất sử dụng tài sản	lần	1.92	1.55
Số vòng quay hàng tồn kho	lần	4.43	4.29
Ngày tồn kho bình quân	ngày	81.19	84.00
Số vòng quay các khoản phải thu	lần	11.94	6.69
Ngày thu tiền bình quân	ngày	30.15	53.79
Hệ số luân chuyển các khoản phải trả	lần	15.95	17.92
Ngày trả tiền bình quân	ngày	22.56	20.08
Vòng quay vốn lưu động	lần	12.53	9.57
Số ngày luân chuyển vốn lưu động	ngày	28.72	37.61
Khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận gộp	%	15.10	12.96
Tỷ suất sinh lời của Tài sản ROA	%	13.85	8.05
Tỷ suất sinh lời trên VCSH ROE	%	40.60	22.45

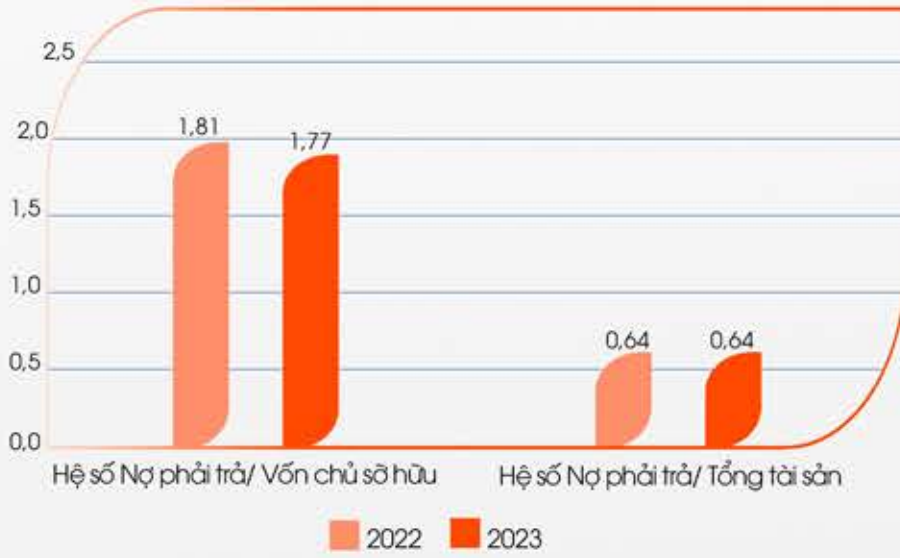
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số khả năng thanh toán hiện hành tại thời điểm cuối năm 2023 ở mức 1.31 lần, tăng 1% so với cùng kỳ năm trước. Hệ số khả năng thanh toán nhanh đạt 0.88 lần, tương ứng mức tăng 44% so với cùng kỳ. Những chỉ số này cho thấy, khả năng thanh toán của công ty đang ở mức tốt. Công ty đáp ứng được khả năng thanh toán nhanh các khoản nợ đến hạn.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

- Hệ số nợ / VCSH giảm từ 1.81 xuống còn 1.77 lần. Mặc dù sự sụt giảm không đáng kể so với cùng kỳ năm trước nhưng tỷ lệ này cũng là thước đo cho thấy sự gia tăng tính chủ động trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty.

- Hệ số nợ / Tổng tài sản đang ở mức 0.64 lần, gần như không đổi so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

- Hiệu suất sử dụng tài sản đạt 1,55 lần, thấp hơn 19% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty giảm 8.4% so với cùng kỳ, trong khi đó, tổng tài sản bình quân năm 2023 tăng gần 5.4% so với năm 2022.

- Vòng quay hàng tồn kho là 4.29 vòng, giảm 3% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do giá vốn hàng bán giảm 6%, trong khi hàng tồn kho bình quân trong năm 2023 chỉ giảm 2.8% so với năm trước. Dẫn đến ngày tồn kho bình quân của năm 2023 là 84 ngày, tăng gần 3 ngày so với cùng kỳ.

- Vòng quay các khoản phải thu khách hàng là 6.69 lần, giảm 44% so với cùng kỳ năm trước. Dẫn đến ngày thu tiền bình quân tăng từ 30.2 ngày lên 53.8 ngày. Nguyên nhân chủ yếu là do khách hàng may kéo dài thời gian trả tiền từ 60 ngày lên 90 ngày.

- Ngày trả tiền cho nhà cung cấp bình quân của năm 2023 là 20.08 ngày, giảm gần 2.5 ngày so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do nguyên liệu bông xơ phải mua trả trước, nguyên phụ liệu của các đơn hàng FOB phải thanh toán trả sau trong vòng 30 ngày.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Với những khó khăn của ngành dệt may trong năm 2023, đặc biệt là những khó khăn kéo dài của ngành sợi, khi giá bán giảm sâu so với giá thành sản xuất đã ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty, các chỉ số về khả năng sinh lời đều có sự sụt giảm so với năm trước. Tuy vậy, xét về mặt tổng quan chung của cả năm 2023, Công ty vẫn ghi nhận được những kết quả tốt.

Tỷ suất sinh lời trên VCSH (ROE) là 22,45% (năm 2022 là 40,6%); tỷ suất ROA là 8,05% (năm 2022 là 13,85%). Nguyên nhân do VCSH bình quân và tổng tài sản bình quân của năm 2023 đều tăng lần lượt là 18.9% và 13.1%, trong khi lợi nhuận sau thuế năm 2023 giảm đến 34.3%.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		TH 2023 / TH 2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	784,070,969,439	67%	868,322,105,320	72%	111%
Tài sản dài hạn	383,504,167,381	33%	337,818,532,796	28%	88%
Tổng tài sản		100%		100%	103%

Tổng tài sản năm 2023 đạt 1.206 tỷ. Tăng 38,6 tỷ so với năm 2022, tương ứng với tăng 3,3%, trong đó:

- Tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng 84,2 tỷ, tức tăng 10,7% so với năm 2022. Chủ yếu do các khoản phải thu ngắn hạn tăng gần 88%.
- Tài sản dài hạn năm 2023 giảm 45,6 tỷ chủ yếu do những dự án xây dựng cơ bản và mua sắm thiết bị đã hoàn thành quyết toán, kết chuyển qua tài sản cố định trong năm 2023 là 37 tỷ

Tình hình tài sản hữu hình

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại / Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	301,981,869,375	116,566,883,191	39%
Máy móc, thiết bị	737,940,879,900	176,218,532,480	24%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	24,681,489,678	5,954,421,361	24%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10,895,830,828	1,274,856,350	12%
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	1,109,881,035	121,774,080	11%
TSCĐ hữu hình khác	8,358,348,075	6,568,759,686	79%
Cộng	1,084,968,298,891	306,705,227,148	28%

Tình hình tài sản vô hình

Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại / Nguyên giá
Phần mềm máy tính	3,500,399,579	913,202,468	26%
Cộng	3,500,399,579	913,202,468	26%

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		TH 2023 / TH 2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	605,592,012,045	81,95%	661,892,735,678	86%	1.092968075
Nợ dài hạn	146,552,300,464	18,05%	108,985,616,695	14%	0.743663636
Tổng Nợ phải trả	752,144,312,509	100,00%	770,878,352,373	100%	1.024907507

Nợ phải trả của năm 2023 là 770,9 tỷ, tăng 18,7 tỷ, tương ứng với 2,5% so với năm trước. Trong đó, nợ ngắn hạn tăng 56 tỷ. Chủ yếu là do nợ vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2023 là 411 tỷ, tăng 42,6% so với cùng kỳ. Nguyên nhân một phần từ việc các khoản phải thu của khách hàng tăng, dẫn đến dư nợ cao. Nợ vay dài hạn giảm 37,5 tỷ. Mức giảm này đến từ việc trả nợ vay mua lại Chi nhánh Quảng Bình là chủ yếu.

Tổng tài sản tăng tập trung chủ yếu vào tăng tài sản ngắn hạn. Tỷ lệ tài sản ngắn hạn / nợ ngắn hạn năm 2023 đạt 1.31 lần, tăng 1,33%, cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn, các nghĩa vụ tài chính của Công ty tốt hơn năm trước.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Về công tác hệ thống:

Trong năm 2023, Công ty đã tiếp đón và vượt qua tất cả các đợt đánh giá của khách hàng về hệ thống TNXH, An ninh, QLCL theo tiêu chuẩn quan trọng như SLCP, BSCI, WRAP, SCAN, GRS, OEKO-TEX, GMP... Các cuộc đánh giá của khách hàng quan trọng như Kohl's, Disney đều đạt kết quả tốt và chứng nhận trong 1,5 - 2 năm; tổ chức soát xét, rà soát lại các văn bản hệ thống của Công ty nhằm đảm bảo tính pháp lý, phù hợp với các quy định của pháp luật, tiêu chuẩn khách hàng và tình hình thực tế tại Công ty.

KẾ HOẠCH GIẢI PHÁP NĂM 2024

CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.920
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	110
3	Tổng khấu hao trích trong năm	Tỷ đồng	64,7
4	Kim ngạch xuất khẩu tính đủ	Triệu USD	114,6
5	Các sản phẩm chủ yếu		
	- Sản lượng sợi (Ne30)	Tấn	10.100
	- Sản lượng vải	Tấn	1.030
	- Sản phẩm may	Triệu sản phẩm	25,1
6	Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	9.000.000

Về công tác quản trị doanh nghiệp:

Công ty luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ trong quá trình hoạt động, nghiêm túc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã ban hành.

Hoạt động kiểm soát nội bộ

Trong năm 2023, Hoạt động kiểm soát nội bộ cũng đã mang đến những hiệu quả tích cực khi đã thực hiện kiểm tra, phát hiện được các rủi ro, sai sót trong hồ sơ các dự án và công tác quản lý số liệu tại các đơn vị, đề xuất các giải pháp khắc phục và kiểm soát kết quả khắc phục của các đơn vị.

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Lĩnh vực Sợi

a) Công tác thị trường:

- Chuyển hướng khai thác các thị trường châu Á, giảm tỷ trọng tại thị trường châu Âu do yêu cầu sử dụng xơ Formosa giá cao và chi phí vận chuyển tăng đột biến.
- Thâm nhập và mở rộng thị trường Nhật Bản và Phillipine.
- Tập trung vấn đề đảm bảo chất lượng sản phẩm để duy trì và nâng cao thương hiệu của Công ty, tránh tình trạng khách hàng khiếu nại về chất lượng.
- Tiết kiệm chi phí vật tư phụ tùng, các loại vật tư đóng gói (bao bì, ống côn, thùng carton,...) tại công đoạn hoàn thành, bổ sung các giải pháp tiết kiệm điện để giảm chi phí sản xuất.
- Xây dựng phương án đầu tư thêm thiết bị sợi compact, thay thế các máy sợi thô cũ để nâng cao năng suất và đảm bảo chất lượng sản phẩm sợi.
- Nghiên cứu hợp lý hóa quy trình sản xuất để nâng cao hiệu suất máy.

2. Lĩnh vực Dệt Nhuộm May:

a) Công tác thị trường:

- Mở rộng, phát triển thêm khách hàng mới, tăng quy mô, số lượng khách hàng trung thành; mở rộng thêm thị trường nhằm giảm rủi ro do phụ thuộc quá lớn vào một thị trường.
- Phát huy chuỗi cung ứng nội tại, tăng tỷ lệ đơn hàng FOB trong cơ cấu đơn hàng để tăng hiệu quả của Công ty.
- Xây dựng và triển khai Chiến lược khách hàng ngành May phù hợp với Chiến lược phát triển của Công ty.

b) Công tác quản trị sản xuất:

- Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy trình sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm, đưa tỷ lệ OQL của các đơn hàng xuống mức thấp nhất.
- Quản trị chi phí, tiết kiệm chi phí vật tư phụ tùng, nguyên phụ liệu (chỉ, nhãn, bao bì, thùng carton,...).
- Tăng NSLĐ, quản trị sản xuất linh hoạt để thích ứng hiệu quả các đơn hàng nhỏ lẻ, giao hàng nhanh và các đơn hàng số lượng lớn nhưng giá thấp.
- Triển khai di dời nhà máy May 1 hiệu quả, đảm bảo hiệu suất hoạt động của nhà máy khi tiến hành dự án xây dựng nhà máy may 3 tầng.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

5. Công tác đầu tư:

- Triển khai 07 dự án (gồm 03 dự án chuyển tiếp và 04 dự án mới).
- Dự án chuyển tiếp gồm đầu tư xây dựng nhà máy May 3 tầng, đầu tư hệ thống lò hơi, lò dầu tải nhiệt, đầu tư bổ sung thiết bị Sợi năm 2023.
- Dự án đầu tư mới gồm đầu tư bổ sung thiết bị Nhà máy Dệt Nhuộm 2024, đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy Nhà máy Sợi, đầu tư bổ sung thiết bị Sợi 2024, đầu tư bổ sung thiết bị May 2024.

6. Công tác nguồn nhân lực:

- Hoàn thiện mô hình và hiệu quả hoạt động của phòng Nghiên cứu phát triển theo chiến lược Công ty.
- Soát xét Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2023 – 2028.
- Xây dựng bố trí CBQL thay thế các vị trí nghỉ hưu trong năm 2024.
- Bổ sung chức danh GĐĐH/PTGD phụ trách Tài chính vào cơ cấu bộ máy quản lý Công ty, báo cáo xin ý kiến Tập đoàn Dệt May Việt Nam bổ nhiệm tại thời điểm phù hợp.
- Xây dựng chiến lược nhân sự giai đoạn 2024 - 2030, tầm nhìn đến 2035.
- Đánh giá chất lượng lao động, soát xét và xây dựng định biên lao động phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.
 - Xây dựng ma trận kỹ năng/bản đồ kỹ năng cho NLD các nhà máy làm căn cứ bố trí lao động phù hợp với từng đơn hàng thực tế.
 - Xây dựng cơ chế tiền lương linh hoạt để thu hút và giữ chân lao động.
 - Soát xét lại thang lương, bảng lương phù hợp với mức lương tối thiểu vùng mới và đơn giá tiền lương của thị trường.

7. Công tác tài chính:

- Nắm bắt nhu cầu vốn của Công ty để cân đối vốn, tìm kiếm nguồn vốn chi phí thấp, đảm bảo hiệu quả tài chính của Công ty.
- Báo cáo xin ý kiến Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển nhượng hoặc thoái vốn góp tại các Công ty hoạt động không hiệu quả hoặc không phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.
- Xây dựng và triển khai Chiến lược tài chính phù hợp với Chiến lược phát triển của Công ty.

8) Công tác chuyển đổi số:

- Tiếp tục phối hợp Ban CDS của Tập đoàn và đơn vị Hải Hoà cải tiến, hoàn thiện chức năng của GD 1 và triển khai GD 2 phần mềm quản trị ngành Sợi.
- Hoàn thiện thêm các chức năng còn lại của phần mềm như quản lý kho sợi, quản lý thiết bị, quản lý và cấp phát thuốc nhuộm.
- Hoàn thiện các chức năng đã phát triển và xây dựng thêm các module quản lý cắt, quản lý linemap, tiến tới thống nhất 01 phần mềm quản lý xuyên suốt quá trình sản xuất May.
- Tiếp tục hoàn thiện phần mềm quản lý nhân sự, phát triển thêm các phần mềm quản lý hành chính như đặt xe, đặt lịch họp và triển khai đồng bộ Microsoft 365 tại các đơn vị.



CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO

Mục tiêu của công tác quản trị rủi ro

HUEGATEX luôn xác định mục tiêu và vai trò của quản trị rủi ro rất quan trọng nhất là trong điều kiện thị trường biến động nhanh, khó lường. Để duy trì hoạt động quản trị rủi ro bám sát với mục tiêu chiến lược đã đặt ra, HUEGATEX chú trọng nhận diện sớm các rủi ro tiềm ẩn và chủ yếu áp dụng biện pháp phòng ngừa giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất Công ty. Ngoài ra, việc tích hợp quản trị rủi ro vào hoạt động thường xuyên giúp cho hệ thống quản trị rủi ro được hiệu suất và hiệu quả hơn.

Mục tiêu của công tác quản trị rủi ro

Rủi ro kinh tế



Năm 2023, các nền kinh tế trên thế giới tiếp tục chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực bởi các bất ổn đang diễn ra như: lạm phát vẫn ở mức cao, chính sách tiền tệ thắt chặt, nợ công thế giới đã tăng lên mức kỷ lục, xung đột giữa Nga và Ukraina phức tạp hơn, bất ổn địa chính trị, an ninh lương thực, thiên tai, hiện tượng El Nino kéo dài... Ở Việt Nam, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, kinh tế vĩ mô tiếp tục duy trì ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát; chính sách tiền tệ, tài khóa được điều hành chủ động, linh hoạt và hiệu quả. Theo Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trong năm 2023 tăng 5,05% so với năm trước, cao hơn tốc độ tăng của năm 2020 và 2021 - thời điểm chịu ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19.

Xuất khẩu hàng dệt và may mặc của Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn bởi những yếu tố bất ổn kinh tế, chính trị kéo theo lạm phát lạm phát cao tại các thị trường tiêu thụ dệt may lớn của Việt Nam như Mỹ, châu Âu... làm kim hãm các chỉ tiêu tiêu dùng của các thị trường.

Kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam đạt 39,6 tỷ USD, giảm 11,2% so với 2022, Xuất khẩu DMVN vào các thị trường chính đều giảm: Mỹ giảm 19%, EU giảm 14%.

Đứng trước tình hình nhu cầu tiêu thụ vẫn chưa có gì khởi sắc bởi những yếu tố đó, Dệt May Huế vẫn chưa thể tăng trưởng trở lại.

Rủi ro tỷ giá



Công ty Cổ phần Dệt may Huế là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dệt may với doanh thu chủ yếu từ xuất khẩu (chiếm 90% trong cơ cấu doanh thu) nên tỷ giá là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Nguồn nguyên vật liệu đầu vào của Công ty được nhập chủ yếu từ Trung Quốc, Ấn Độ và thành phẩm được xuất sang Mỹ, Châu Âu, ... Vì vậy, rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Việc sụt giảm trong giá trị đồng USD sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến dòng doanh thu xuất khẩu của Dệt May Huế bởi kim ngạch xuất khẩu của Công ty là vào thị trường Mỹ. Trong khi đó, khảo sát của Bloomberg cho thấy, trong năm 2024, đồng Nhân dân tệ của Trung Quốc sẽ mạnh lên lần đầu tiên sau 3 năm. Điều này lại tiếp tục tác động lên lợi nhuận của Công ty khi chi phí nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài mà trong đó chủ yếu từ thị trường Trung Quốc. Dệt May Huế luôn bám sát biến động tỷ giá để có những chính sách tài chính cụ thể để hạn chế rủi ro biến động tỷ giá gây ra.

Rủi ro pháp luật



Công ty Cổ phần Dệt May Huế hoạt động sản xuất kinh doanh tại Việt Nam và chịu sự điều chỉnh bởi luật của hệ thống pháp luật Việt Nam. Với các điều luật, chính sách pháp luật liên tục đổi mới để phù hợp với nền kinh tế, Công ty đã ký hợp đồng tư vấn với luật sư để chủ động cập nhật liên tục, nghiên cứu luật và chính sách kỹ lưỡng nhằm vừa nâng cao hiệu quả phòng ngừa các rủi ro pháp lý trong hoạt động kinh doanh, vừa duy trì hoạt động hiệu quả.

Rủi ro nguồn nhân lực



Chi phí lao động chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí tổng cộng của Công ty, để đào tạo một nhân công lành nghề phải mất khoảng thời gian từ 3-6 tháng. Trong thời gian này, Công ty phải chịu chi phí đào tạo, chi phí hư hỏng sản phẩm do công nhân chưa lành nghề. Do đó, biến động nhân sự là rủi ro cho Công ty. Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn về nguồn lao động, Công ty đã nỗ lực và cố gắng duy trì việc làm, thu nhập cho toàn thể nhân viên, duy trì chính sách đãi ngộ, lương thưởng, phúc lợi hợp lý nhằm thu hút và giữ chân người lao động nhằm đảm bảo nguồn nhân lực đủ mạnh mẽ để phục vụ sản xuất một cách hiệu quả.

Rủi ro cạnh tranh



Ngành dệt may Việt Nam luôn phải chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ về nguyên vật liệu từ các quốc gia xuất khẩu (quốc gia có nguyên vật liệu giá rẻ) như Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Campuchia... Tuy nhiên, theo phân tích của tổ chức tham vấn và phân tích Global-Data có trụ sở tại Anh, bất chấp những lợi thế mà các doanh nghiệp sản xuất Bangladesh đang có, Việt Nam vẫn tiếp tục xếp hạng cao hơn về chất lượng sản phẩm, năng suất lao động và thời gian giao hàng.

Ngoài ra, việc tham gia sâu rộng vào các Hiệp định Thương mại thế giới như CPTPP, EVFTA và RCEP... sẽ là cơ hội của ngành sản xuất dệt may nội địa không ngừng được nâng cấp, cải thiện và tạo cơ hội cho hàng dệt may xuất khẩu Việt Nam mở rộng thị phần trên thị trường thế giới.

Để tận dụng cơ hội này cũng như duy trì năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp dệt may nói chung và Dệt May Huế nói riêng sẽ liên tục cải thiện năng suất, áp dụng kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, tăng cường công tác quản trị nhân lực, đảm bảo phát triển thị trường bền vững để giảm thiểu chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Rủi ro nguyên vật liệu



Đối với doanh nghiệp sản xuất thì nguyên vật liệu đóng vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đối với Dệt May Huế, nguyên vật liệu đầu vào (bông, xơ, vải) chủ yếu được nhập từ nước ngoài do nguồn cung trong nước không đủ cung ứng cũng như không hoàn toàn đáp ứng được chất lượng mà khách hàng mong muốn. Trong đó, bông là mặt hàng có biến động giá mạnh, tác động trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty. Mặc dù giá bông đầu vào đang có xu hướng giảm nhưng chi phí logistic vẫn cao bởi ảnh hưởng từ xung đột giữa Hamas -Israel, giá dầu tiếp tục tăng bởi những tuyên bố cắt giảm sản lượng tự nguyện của các thành viên Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC), và lạm phát vẫn cao tại hầu hết các nền kinh tế trên thế giới.

• Vì vậy, để nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời gian tới, Công ty kiên định mục tiêu đảm bảo chất lượng, xác định chất lượng là vấn đề sống còn. Đồng thời tăng cường công tác kiểm soát chi phí được triển khai rộng rãi tại tất cả các đơn vị, góp phần vào hiệu quả ung của Công ty trước bối cảnh giá bán các sản phẩm giảm trong khi giá năng lương, NPL, VTPT đầu vào đều tăng..

CHƯƠNG III: QUAN HỆ CỔ ĐÔNG



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Thông tin về cổ phần

Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 20.096.259 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 20.096.259 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

2. Cơ cấu cổ đông

Tại ngày 28/12/2023

STT	Loại cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	1.070	20.085.732	99,95%
2	Cá nhân	1063	5.323.009	26,49%
3	Tổ chức	7	14.762.723	73,46%
II	Cổ đông nước ngoài	8	10.527	0,05%
1	Cá nhân	7	9.827	0,05%
2	Tổ chức	1	700	0,00%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng (I+II+III)		1.078	20.096.259	100,00%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 5%



3. Danh sách cổ đông lớn

Tại ngày 28/12/2023

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	12.230.122	60,86%
2	Công ty TNHH Tường Long	1.710.635	8,51%
Tổng cộng		13.940.757	69,37%

4. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Thời điểm	Vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
2005	-	30.000.000.000	Công ty thực hiện cổ phần hóa	ĐHĐCĐ, Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh TT - Huế
2012	19.995.570.000	49.995.570.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 20%; Phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 15:7	ĐHĐCĐ, UBCKNN
2016	50.004.430.000	100.000.000.000	Chào bán phát hành cho cổ đông hiện hữu: 47.504.650.000 đồng; Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) 2.499.780.000 đồng.	ĐHĐCĐ, UBCKNN
2021	5.000.000.000	105.000.000.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)	ĐHĐCĐ, UBCKNN
2022	47.247.010.000	152.247.010.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 45%	ĐHĐCĐ, UBCKNN
2023	48.715.580.000	200.962.590.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 32%	ĐHĐCĐ, UBCKNN

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

Các chứng khoán khác: Không

IV. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Đức Trí		36.250	0,24	47.850	0,24
2	Ông Nguyễn Văn Phong		63.162	0,41	83.373	0,41
2.1	Bà Nguyễn Thị Huyền Châu	Con	7.975	0,05	5.660	0,03
2.2	Bà Huỳnh Thị Ngọc Huyền	Vợ	2.354	0,02	3.107	0,02
3	Ông Hồ Ngọc Lan		58.874	0,39	77.713	0,39
3.1	Bà Phạm Thị Xuân	Vợ	6.123	0,04	8.082	0,04
4	Bà Nguyễn Hồng Liên		37.263	0,24	49.187	0,24
5	Ông Nguyễn Tiến Hậu		43.017	0,28	56.782	0,28
6	Ông Đào Văn Tư		31.031	0,20	39.960	0,20
7	Bà Trần Thị Thuận		17.768	0,12	23.453	0,12
8	Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng		16.588	0,11	21.896	0,11
9	Bà Nguyễn Khánh Chi		29.526	0,19	33.566	0,17
10	Bà Phan Nữ Quỳnh Anh		7.975	0,05	7.359	0,04
11	Ông Hồ Nam Phong		17.768	0,12	23.453	0,12
12	Bà Phạm Thị Văn Hà		5.800	0,04	5.800	0,03
13	Ông Huỳnh Quang Nhật		5.800	0,04	7.656	0,04
13.1	Huỳnh Văn Hòa	Cha	1.574	0,01	2.077	0,01



CHƯƠNG IV: BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



I. MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG

Tác động đến môi trường

Công ty cổ phần Dệt may Huế hoạt động trong một lĩnh vực tác động rất lớn đến môi trường. Do đó, Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của việc bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với những yêu cầu về an toàn môi trường. Công ty luôn có các biện pháp kiểm soát chất lượng và quản lý tốt hơn về các sản phẩm từ khâu nguyên liệu đầu vào đến khâu sản xuất. Qua đó, Công ty luôn hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, vừa phát triển được hoạt động sản xuất kinh doanh, vừa đảm bảo công tác an toàn môi trường.

TUÂN THỦ LUẬT PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường trong toàn Công ty. Nhờ thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường mà nhiều năm qua Công ty luôn đảm bảo an toàn trong sản xuất, giữ gìn cảnh quan sạch đẹp tại các nhà máy cũng như văn phòng làm việc. Trong năm, Công ty luôn cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường. Nhờ thế, Công ty đã không vi phạm bất kỳ điều gì về pháp luật và các quy định về môi trường trong năm. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ nhân viên, các hoạt động tuyên truyền luôn được thực hiện.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Khối lượng xử lý
Xử lý nước thải	m ³	259.943
Xử lý chất thải thông thường	Tấn	394,4
Xử lý chất thải rắn nguy hại	Kg	123.607



NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Lượng tiêu thụ
Than đá	Tấn	33,2
Hơi mua ngoài	Tấn	15.850
Nhiệt	Tấn	695,2
Điện năng mua từ lưới điện	kWh	37.103.558

LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ

Tổng lượng nước sử dụng của Công ty trong năm là 345.822 m³. Nguồn nước sử dụng của Công ty được cung cấp bởi CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế, là đơn vị cung cấp nước sạch trên toàn địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Công ty hiểu rõ rằng nước là một tài nguyên quan trọng và thiết yếu cho sự sống của con người và môi trường xung quanh. Vì thế, Công ty đặt mục tiêu quản lý và sử dụng nguồn nước một cách bền vững và hiệu quả.

GIẢI PHÁP KHÁC NHẪM SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của toàn thể CBCNV trong Công ty về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Kêu gọi toàn thể CBCNV tiết kiệm chi phí sản xuất, sử dụng điện hợp lý đặc biệt là sử dụng điện thực sự hiệu quả vào giờ cao điểm.
- Điều độ dây chuyền sản xuất giảm thiểu tối đa giờ vận hành máy công nghệ ở chế độ không tải. Đặc biệt là các phụ tải sản xuất ở nhà máy Sợi, nhà máy May, nhà máy Dệt Nhuộm.
- Vệ sinh định kỳ hệ thống mương điều không thông thoáng để tăng lưu lượng truyền tải, giảm công suất quạt hút điều không khu vực bông chải- ghép- thô- sợi con. Cải tạo tiết điện mương hút các hầm điều không.
- Bám sát phụ tải các nhà máy để có biện pháp giảm tải sản xuất vào giờ cao điểm và huy động tối đa máy sản xuất vào giờ thấp điểm. Đặc biệt huy động hết công suất vào ngày chủ nhật của nhà máy Sợi, nhà máy Dệt nhuộm.
- Bổ sung các băng gôn, khẩu hiệu tuyên truyền về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

CÔNG TÁC CHĂM LO ĐỜI SỐNG CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Đảm bảo công việc ổn định và chăm lo đời sống, tạo môi trường làm việc an toàn cho CBCNV Công ty. Trong năm, Công ty vinh dự được nhận danh hiệu Doanh nghiệp vì người lao động do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội trao tặng.

Bố trí xe đưa đón CBCNV làm việc tại Nhà máy May 4, tầng tiền ăn ca 3 của Nhà máy Sợi từ 20.000 đồng/người lên 24.000 đồng/người.

Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong doanh nghiệp, áp dụng hệ thống TNXH theo tiêu chuẩn SA 8000.

Đảm bảo chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thân thể cho toàn thể CBCNV Công ty.

Trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ cho CBCNV theo đúng đối tượng và đúng công việc, nhận được bằng khen của Công đoàn Dệt May Việt Nam về thực hiện chính sách và đảm bảo ATVSLD.

Nội quy, quy chế PCCN được phổ biến thường xuyên đến người lao động, mời công an PCCC của tỉnh đào tạo 1 năm 2 khoá huấn luyện nghiệp vụ về công tác PCCN cho CBCNV Công ty.

Tổ chức khám chữa bệnh định kỳ mỗi năm hai lần cho toàn thể cán bộ công nhân viên, qua đó kịp thời phát hiện những CBCNV mắc bệnh nghề nghiệp gửi đi điều trị hoặc sắp xếp công việc phù hợp.

100% người lao động tham gia tổ chức Công đoàn, Công đoàn Công ty thực hiện tốt vai trò của tổ chức, thật sự là tổ chức bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp cho người lao động.

CÔNG TÁC THI ĐUA, PHONG TRÀO SÁNG KIẾN KỸ THUẬT

Hội đồng thi đua khen thưởng đã đổi mới hoạt động thi đua phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty, khen thưởng Quý và Năm cho các cá nhân, tập thể có kết quả tốt trong phong trào thi đua sản xuất.

Tổ chức và tham gia các hoạt động phong trào sáng kiến kỹ thuật:

Đạt giải "Bàn tay vàng" và "Thoát chuyển nhanh nhất" đối với sản phẩm may dệt kim; giải "Bàn tay đồng" và "Sáng tạo" đối với sản phẩm áo jacket của Hội thi thợ giỏi ngành Dệt May Việt Nam năm 2023.



HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

■ Ngoài nhiệm vụ sản xuất kinh doanh Công ty đã tổ chức và tham gia các hoạt động xã hội, văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao; Phối hợp với các đoàn thể như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu Chiến binh tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa nhân ngày Thương binh Liệt sỹ, thăm các mẹ Việt Nam Anh Hùng định kỳ hàng quý và các ngày Lễ,....

Thực hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn, phòng trào đền ơn đáp nghĩa, ngày vì người nghèo... Trong năm 2023, Công ty đã có những hỗ trợ cho CBCNV gặp khó khăn, thăm hỏi các gia đình chính sách, cơ quan đơn vị đóng trên địa bàn, các tổ chức xã hội từ thiện, thăm đồn biên phòng Phong Hải, xã Hồng Vân huyện A Lưới; Tặng quà cho CBCNV gặp hoàn cảnh khó khăn; tổ chức chương trình "Tết sum vầy" cho người lao động với tổng số tiền trên 2.7 tỷ đồng.



CHƯƠNG V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH





Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty Cổ phần Dệt May Huế Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số	3103000140	ngày 17 tháng 11 năm 2005
	3300100628 (thay đổi lần thứ 1)	ngày 21 tháng 5 năm 2012
	3300100628 (thay đổi lần thứ 2)	ngày 10 tháng 11 năm 2016
	3300100628 (thay đổi lần thứ 3)	ngày 17 tháng 2 năm 2017
	3300100628 (thay đổi lần thứ 4)	ngày 9 tháng 4 năm 2018
	3300100628 (thay đổi lần thứ 5)	ngày 30 tháng 12 năm 2021
	3300100628 (thay đổi lần thứ 6)	ngày 22 tháng 7 năm 2022
	3300100628 (thay đổi lần thứ 7)	ngày 29 tháng 6 năm 2023

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3300100628 ngày 29 tháng 6 năm 2023. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Trị	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Phong	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Liên	Thành viên
Ông Lê Hồng Quân	Thành viên (từ ngày 26/4/2023)
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên (từ ngày 26/4/2023)
Ông Nguyễn Bá Quang	Thành viên (đến ngày 26/4/2023)
Ông Hồ Ngọc Lan	Thành viên (đến ngày 26/4/2023)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Phong	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Quân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Hậu	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/6/2023)
	Giám đốc điều hành (đến ngày 31/5/2023)
Bà Nguyễn Hồng Liên	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/11/2023)
	Giám đốc điều hành (đến ngày 31/10/2023)
Ông Đào Văn Tư	Giám đốc điều hành
Bà Trần Thị Thuần	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng	Giám đốc điều hành

Ban Kiểm soát

Bà Phan Nữ Quỳnh Anh	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Vân Hà	Thành viên
Ông Hồ Nam Phong	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 122 Dương Thiệu Tước, Phường Thủy Dương
Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt May Huế (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Phong
Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 8 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dệt May Huế (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt May Huế tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh – số liệu so sánh

Như được trình bày tại Thuyết minh 37 của báo cáo tài chính, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh lại theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước được công bố trong Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước năm 2022 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ của Công ty) và Thông báo số 125/TB-KTNN ngày 2 tháng 2 năm 2024 gửi Công ty Cổ phần Dệt May Huế. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ngoại trừ do ảnh hưởng của vấn đề này.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 23-02-00189-24-1



Trương Vĩnh Phúc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1901-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trương Tuyết Mai
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2024-007-1

Hà Nội, ngày 8 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Dệt May Huế Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		868.322.105.320	784.070.969.439
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	90.010.006.657	100.028.543.344
Tiền	111		22.510.006.657	10.116.208.368
Các khoản tương đương tiền	112		67.500.000.000	89.912.334.976
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		103.000.000.000	42.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	103.000.000.000	42.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		373.574.560.588	198.716.127.815
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	357.759.212.560	192.764.488.034
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		19.152.823.988	6.068.034.393
Phải thu ngắn hạn khác	136		2.959.308.100	6.083.770.155
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(6.296.784.060)	(6.200.164.767)
Hàng tồn kho	140	9	288.913.027.179	415.666.331.179
Hàng tồn kho	141		293.972.626.123	454.356.388.066
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.059.598.944)	(38.690.056.887)
Tài sản ngắn hạn khác	150		12.824.510.896	27.659.967.101
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.170.104.377	6.060.824.643
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.170.589.005	21.599.142.458
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		483.817.514	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200	337.818.532.796	383.504.167.381
Các khoản phải thu dài hạn	210	-	9.818.820.000
Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	9.818.820.000
Tài sản cố định	220	307.618.429.616	303.207.008.487
Tài sản cố định hữu hình	221	306.705.227.148	303.040.478.737
Nguyên giá	222	1.084.968.298.891	1.016.217.283.573
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(778.263.071.743)	(713.176.804.836)
Tài sản cố định vô hình	227	913.202.468	166.529.750
Nguyên giá	228	3.500.399.579	2.616.307.810
Giá trị hao mòn lũy kế	229	(2.587.197.111)	(2.449.778.060)
Tài sản dở dang dài hạn	240	509.565.865	37.575.168.913
Xây dựng cơ bản dở dang	242	509.565.865	37.575.168.913
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9.976.790.634	6.107.954.770
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10.744.494.682	6.710.834.682
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(767.704.048)	(602.879.912)
Tài sản dài hạn khác	260	19.713.746.681	26.795.215.211
Chi phí trả trước dài hạn	261	18.413.151.459	19.839.970.005
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	1.300.595.222	6.955.245.206
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	1.206.140.638.116	1.167.575.136.820

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN			
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	770.878.352.373	752.144.312.509
Nợ ngắn hạn	310	661.892.735.678	605.592.012.045
Phải trả người bán ngắn hạn	311	91.519.247.739	87.405.216.810
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	2.825.534.347	5.176.452.146
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13.369.892.319	14.213.385.602
Phải trả người lao động	314	102.848.448.325	176.014.736.823
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	3.591.425.205	3.504.719.232
Phải trả ngắn hạn khác	319	3.582.694.203	5.816.602.908
Vay ngắn hạn	320	410.995.267.045	288.244.110.145
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	33.160.226.495	25.216.788.379
Nợ dài hạn	330	108.985.616.695	146.552.300.464
Vay dài hạn	338	108.985.616.695	146.552.300.464
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	435.262.285.743	415.430.824.311
Vốn chủ sở hữu	410	435.262.285.743	415.430.824.311
Vốn cổ phần	411	200.962.590.000	152.247.010.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	200.962.590.000	152.247.010.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	107.478.956.722	102.478.956.722
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	126.820.739.021	160.704.857.589
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	31.321.644.473	15.408.779.058
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	95.499.094.548	145.296.078.531
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	1.206.140.638.116	1.167.575.136.820

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Người lập:


 Thân Thị Kim Phụng
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Nguyễn Khánh Chi
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Văn Phong
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	1.842.265.322.528	2.010.435.477.164
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	1.603.526.014.992	1.706.832.221.202
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		238.739.307.536	303.603.255.962
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	35.399.283.250	39.689.481.210
Chi phí tài chính	22	28	38.330.194.778	25.604.656.124
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.305.411.494	9.554.846.087
Chi phí bán hàng	25	29	54.871.896.752	73.606.164.461
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	61.445.947.989	74.029.920.445
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		119.490.551.267	170.051.996.142
Thu nhập khác	31	31	6.460.673.913	16.161.991.813
Chi phí khác	32		4.789.152.426	5.959.197.731
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.671.521.487	10.202.794.082
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		121.162.072.754	180.254.790.224
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	20.008.328.222	41.913.956.899
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	33	5.654.649.984	(6.955.245.206)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		95.499.094.548	145.296.078.531
				Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	4.222	6.246

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Người lập:


 Thân Thị Kim Phụng
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Nguyễn Khánh Chi
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Văn Phong
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		121.162.072.754	180.254.790.224
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		65.257.277.958	56.119.718.122
Các khoản dự phòng	03		(33.369.014.514)	39.023.259.179
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(86.691.694)	(3.552.036.551)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(11.005.911.756)	(10.121.924.195)
Chi phí lãi vay	06		20.305.411.494	9.554.846.087
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		162.263.144.242	271.278.652.866
Biến động các khoản phải thu	09		(153.072.160.769)	(63.110.473.937)
Biến động hàng tồn kho	10		160.383.761.943	(138.789.593.247)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(39.396.237.461)	(65.360.676.475)
Biến động chi phí trả trước	12		4.317.538.812	(13.180.150.177)
			134.496.046.767	(9.162.240.970)
Tiền lãi vay đã trả	14		(19.961.849.585)	(17.702.080.695)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(20.309.043.953)	(40.926.874.339)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		12.220.000	212.820.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.837.611.000)	(2.577.170.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		87.399.762.229	(70.155.546.004)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(67.480.121.444)	(137.457.969.913)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		-	1.306.275.173
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(66.000.000.000)	(43.500.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		5.000.000.000	33.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(4.033.660.000)	-
Thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27		10.659.515.960	8.302.590.711
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(121.854.265.484)	(137.849.104.029)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
	Tiền thu từ đi vay	1.022.651.301.962	926.663.664.268
	Tiền trả nợ gốc vay	(937.285.960.782)	(753.944.952.814)
	Tiền trả cổ tức	(60.920.522.358)	(15.764.992.790)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	24.444.818.822	156.953.718.664
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	(10.009.684.433)	(51.050.931.369)
	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	100.028.543.344	151.092.638.505
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(8.852.254)	(13.163.792)
	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	90.010.006.657	100.028.543.344

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Người lập:


Thân Thị Kim Phụng
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Nguyễn Khánh Chi
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Phong
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dệt May Huế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sợi;
- Nhuộm và hoàn tất vải sợi;
- Sản xuất các mặt hàng và sản phẩm dệt may; và
- Kinh doanh các mặt hàng và sản phẩm dệt may.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 4.431 nhân viên (1/1/2023: 4.690 nhân viên).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định khác	2 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) **Chi phí trả trước dài hạn**

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) **Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) **Dự phòng**

Trừ những khoản dự phòng được trình bày ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) **Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) **Doanh thu và thu nhập khác**

(i) **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) **Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hóa được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) **Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) **Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) **Thuê tài sản**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được lập theo vùng địa lý dựa trên vị trí của khách hàng do địa điểm sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

TRÁC 11.7.1 10.1

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Châu Á
- Châu Âu
- Việt Nam
- Các vùng khác

	Châu Á		Châu Âu		Việt Nam		Các vùng khác		Tổng cộng	
	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
Tổng doanh thu của bộ phận	1.435.805.222.546	1.321.586.690.809	193.582.328.730	414.414.432.823	212.877.771.252	271.456.691.008	-	2.977.662.524	1.842.265.322.528	2.010.435.477.164
Kết quả kinh doanh của bộ phận	205.691.855.786	187.172.458.076	2.078.926.130	64.798.866.407	30.968.525.620	50.285.858.579	-	1.346.072.900	238.739.307.536	303.603.255.962
Thu nhập không phân bổ									35.399.283.250	39.689.481.210
Chi phí không phân bổ									(154.648.039.519)	(173.240.741.030)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh									119.490.551.267	170.051.996.142
Thu nhập khác									6.460.673.913	16.161.991.813
Chi phí khác									(4.789.152.426)	(5.959.197.731)
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(25.662.978.206)	(34.958.711.693)
Lợi nhuận thuần sau thuế									95.499.094.548	145.296.078.531

TRÁC 11.7.1 10.1

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Châu Á		Châu Âu		Việt Nam		Tổng cộng	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản của bộ phận Giá trị còn lại tài sản không phân bổ	304.253.864.059	130.635.519.680	36.686.245.294	36.913.910.315	16.819.103.207	25.215.058.039	357.759.212.560	192.764.488.034
Tổng tài sản							848.381.425.556	974.810.648.786
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	693.057.387	2.850.257.678	1.356.829.586	1.779.469.586	775.647.374	546.724.882	2.825.534.347	5.176.452.146
Tổng nợ phải trả							768.052.818.026	746.967.860.363
Chỉ tiêu vốn Khấu hao tài sản cố định hữu hình Khấu hao tài sản cố định vô hình							770.878.352.373	752.144.312.509
							2023 VND	2022 VND
							67.480.121.444	137.457.969.913
							65.119.858.907	55.693.776.279
							137.419.051	425.941.843
							Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	195.229.075	56.648.329
Tiền gửi ngân hàng	22.314.777.582	10.059.560.039
Các khoản tương đương tiền (*)	67.500.000.000	89.912.334.976
	<u>90.010.006.657</u>	<u>100.028.543.344</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm từ 2,1% đến 3,2% (1/1/2023: từ 5,1% đến 6,0%).

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại ngân hàng với lãi suất năm từ 3,4% đến 5,2% (1/1/2023: từ 4,9% đến 6,8%).

Giá trị hợp lý xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị	Địa chỉ	31/12/2023			1/1/2023					
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND		
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (i)	Thừa Thiên Huế, Việt Nam	5,64	5,64	7.495.524.000	-	(*)	4,43	3.461.864.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Bông và Kinh doanh Tổng hợp Miền Trung	Nha Trang, Việt Nam	7,12	7,12	650.000.000	(384.228.587)	(*)	7,12	650.000.000	(384.228.587)	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt May Thiên An Phát	Thừa Thiên Huế, Việt Nam	6,45	6,45	1.500.000.000	-	(*)	6,45	1.500.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Dệt kim Vinatex	Hưng Yên, Việt Nam	2,65	2,65	1.008.000.000	(383.475.461)	(*)	2,65	1.008.000.000	(218.651.325)	(*)
Công ty Cổ phần Sợi Phú Việt	Thừa Thiên Huế, Việt Nam	0,44	0,44	90.970.682	-	(*)	0,44	90.970.682	-	(*)
				10.744.494.682	(767.704.048)			6.710.834.682	(602.879.912)	

20

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Trong năm, Công ty đã mua thêm 201.683 cổ phiếu, tương đương với 1,36% tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài với giá mua là 4.034 triệu VND.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số cổ phiếu nhận bằng cổ tức mà Công ty không ghi nhận doanh thu tài chính và chi theo dõi số lượng bao gồm:
- Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài: 235.903 cổ phiếu;
 - Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt May Thiên An Phát: 333.840 cổ phiếu;
 - Công ty của Cổ phần Sợi Phú Việt: 16.410 cổ phiếu;
 - Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sợi Phú Mai: 13.428 cổ phiếu; và
 - Công ty Cổ phần Sợi Phú Nam: 32.235 cổ phiếu
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Aurora Investments Global	257.955.237.945	104.691.583.592
Xiamen Fengzhu Trading Co.,Ltd	16.129.260.302	-
Công ty TNHH Fashion Garments 2	578.131.746	5.154.645.652
Ecofil Dis Ticaret A.S.	12.043.079.350	9.896.699.232
Các khách hàng khác	71.053.503.217	73.021.559.558
	357.759.212.560	192.764.488.034

(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	19.289.544	-
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân	14.320.114	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	5.026.026	7.859.651
Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Thời trang Vinatex	62.714.960	17.521.000
	101.350.644	25.380.651

Các khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi suất và được hoàn trả khi có yêu cầu.

21

8. Nợ quá hạn

	31/12/2023		1/1/2023		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ	Trên 3 năm	2.824.257.828	-	(2.824.257.828)	-
Xuất nhập khẩu Hưng Thành Đạt	Trên 3 năm	2.424.055.822	-	(2.424.055.822)	-
Ông Bùi Thế Quân	Trên 3 năm	674.167.760	-	(674.167.760)	-
Ông Nguyễn Trọng Bùi	Trên 3 năm	374.302.650	-	(374.302.650)	-
Taijuih Garment Co., Ltd.	Trên 3 năm	6.296.784.060	-	(6.296.784.060)	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi				(6.200.164.767)	(6.200.164.767)

22

9. Hàng tồn kho

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND Đã điều chỉnh lại	Dự phòng VND Đã điều chỉnh lại
Hàng mua đang đi trên đường	59.817.064.031	-	5.847.244.708	-
Nguyên vật liệu	97.783.554.793	(586.955.067)	206.826.801.087	(17.748.966.601)
Công cụ và dụng cụ	53.315.367	-	59.151.024	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	92.214.725.204	(2.439.398.759)	116.973.899.361	(1.297.407.545)
Thành phẩm	33.882.365.770	(2.033.245.118)	62.942.404.400	(19.643.682.741)
Hàng gửi đi bán	10.221.600.958	-	61.706.887.486	-
	293.972.626.123	(5.059.598.944)	454.356.388.066	(38.690.056.887)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 140.000 triệu VND (1/1/2023: 120.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	292.406.154.633	677.978.514.779	25.676.179.678	10.688.205.373	9.468.229.110	1.016.217.283.573
Số dư đầu năm – theo báo cáo trước đây	291.241.861.194	677.978.514.779	25.676.179.678	10.688.205.373	9.468.229.110	1.015.052.990.134
Điều chỉnh theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước. (Thuyết minh 37)	1.164.293.439	-	-	-	-	1.164.293.439
Tăng trong năm	-	939.963.388	-	207.625.455	-	1.147.588.843
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	9.609.306.742	58.027.711.733	-	-	-	67.637.018.475
Xóa số	(33.592.000)	-	-	-	-	(33.592.000)
Số dư cuối năm	301.981.869.375	736.946.189.900	25.676.179.678	10.895.830.828	9.468.229.110	1.084.968.298.891
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	168.056.773.924	517.530.900.430	17.570.197.214	9.037.206.790	981.726.478	713.176.804.836
Số dư đầu năm - theo báo cáo trước đây	167.950.254.887	517.530.900.430	17.570.197.214	9.037.206.790	981.726.478	713.070.285.799
Điều chỉnh theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước. (Thuyết minh 37)	106.519.037	-	-	-	-	106.519.037
Khấu hao trong năm	17.434.845.820	44.148.405.430	1.156.871.103	583.767.688	1.795.968.866	65.119.858.907
Xóa số	(33.592.000)	-	-	-	-	(33.592.000)
Số dư cuối năm	185.458.027.744	561.679.305.860	18.727.068.317	9.620.974.478	2.777.695.344	778.263.071.743
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	124.349.380.709	160.447.614.349	8.105.982.464	1.650.998.583	8.486.502.632	303.040.478.737
Số dư cuối năm	116.523.841.631	175.266.884.040	6.949.111.361	1.274.856.350	6.690.533.766	306.705.227.148

24

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 526.733 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 486.125 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 147.496 triệu VND (1/1/2023: 154.780 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	2.616.307.810
Tăng trong năm	67.928.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	816.163.769
Số dư cuối năm	3.500.399.579
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.449.778.060
Khấu hao trong năm	137.419.051
Số dư cuối năm	2.587.197.111
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	166.529.750
Số dư cuối năm	913.202.468

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 2.381 triệu VND (1/1/2023: 1.382 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	37.575.168.913	3.355.254.458
Tăng trong năm	31.387.579.196	140.713.580.396
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(67.637.018.475)	(106.493.665.941)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(816.163.769)	-
Số dư cuối năm	509.565.865	37.575.168.913

Tại thời điểm báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm máy móc, thiết bị đang trong quá trình lắp đặt.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	19.839.970.005
Số dư đầu năm – theo báo cáo trước đây	20.812.109.960
Điều chỉnh theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 37)	(972.139.955)
Tăng trong năm	13.677.390.950
Phân bổ trong năm	(15.104.209.496)
Số dư cuối năm	18.413.151.459

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	605.270.765	3.809.274.829
Doanh thu bán hàng	20%	695.324.457	3.145.970.377
		1.300.595.222	6.955.245.206

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Stonex Switzerland Sa	13.971.237.312	-
Công ty TNHH In Hoa Ruijia Việt Nam	10.484.534.915	6.052.599.328
Yau Kuen Industrial Co., Ltd.	10.037.591.184	9.952.591.706
Cam Négoce, Division Coton	8.151.917.612	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dũng Hùng	10.994.400	19.264.742.901
Các nhà cung cấp khác	48.862.972.316	52.135.282.875
	91.519.247.739	87.405.216.810

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay dài hạn	140.363.731.245	186.073.306.581
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 18(a))	(31.378.114.550)	(39.521.006.117)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	108.985.616.695	146.552.300.464

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ) (*)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ) (**)

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
	VND	8,2% - 9,7%	2026	13.959.079.870	19.959.079.870
	VND	5,8 - 8%	2025	46.400.000.000	69.600.000.000
	VND	7 - 7,8%	-	-	16.800.000.000
	USD	SOFR 6 tháng + 0,7%	2039	80.004.651.375	79.714.226.711
				140.363.731.245	186.073.306.581

(*) Khoản vay này không được đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB"), trị giá 3.276.194 USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 3.357.096 USD), có hạn mức là 3.642.948 USD.

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số hàng tồn kho (Thuyết minh 9) và tài sản cố định của Công ty (Thuyết minh 10).

30

QUY X HUY

QUY X HUY

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	25.216.788.379	13.135.447.861
Trích lập trong năm	14.768.829.116	14.445.690.518
Tăng khác	12.220.000	212.820.000
Sử dụng trong năm	(6.837.611.000)	(2.577.170.000)
Số dư cuối năm	33.160.226.495	25.216.788.379

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	105.000.000.000	82.478.956.722	112.851.479.576	300.330.436.298
Lợi nhuận thuần trong năm – đã điều chỉnh lại	-	-	145.296.078.531	145.296.078.531
Lợi nhuận thuần trong năm – theo báo cáo trước đây	-	-	137.777.539.923	137.777.539.923
Điều chỉnh theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 37)	-	-	7.518.538.608	7.518.538.608
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(14.445.690.518)	(14.445.690.518)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 22)	47.247.010.000	-	(47.247.010.000)	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 22)	-	-	(15.752.990.000)	(15.752.990.000)
Biến động khác	-	-	2.990.000	2.990.000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	152.247.010.000	102.478.956.722	160.704.857.589	415.430.824.311
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	95.499.094.548	95.499.094.548
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(14.768.829.116)	(14.768.829.116)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 22)	48.715.580.000	-	(48.715.580.000)	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 22)	-	-	(60.902.267.200)	(60.902.267.200)
Biến động khác	-	-	3.463.200	3.463.200
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	200.962.590.000	107.478.956.722	126.820.739.021	435.262.285.743

32

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	20.096.259	200.962.590.000	15.224.701	152.247.010.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.096.259	200.962.590.000	15.224.701	152.247.010.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.096.259	200.962.590.000	15.224.701	152.247.010.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2023		2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	15.224.701	152.247.010.000	10.500.000	105.000.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	4.871.558	48.715.580.000	4.724.701	47.247.010.000
Số dư cuối năm	20.096.259	200.962.590.000	15.224.701	152.247.010.000

33

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %	Số vốn góp VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	12.230.122	60,86	122.301.220.000	60,86
Công ty TNHH Tường Long	1.710.635	8,51	17.106.350.000	8,51
Các cổ đông khác	6.155.502	30,63	61.555.020.000	30,63
	20.096.259	100,00	200.962.590.000	100,00
			15.224.701	
				152.247.010.000

34

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. **Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 109.618 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2022, trong đó 48.716 triệu VND bằng cổ phiếu và 60.902 triệu VND bằng tiền (2022: 63.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2021, trong đó 47.247 triệu VND bằng cổ phiếu và 15.753 triệu VND bằng tiền).

23. **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Tại cuộc họp ngày 26 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định trích lập quỹ đầu tư phát triển 5.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 (2022: 20.000 triệu VND).

24. **Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

(a) **Ngoại tệ các loại**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Trương đương VND	Nguyên tệ	Trương đương VND
USD	833.819	20.099.845.064	226.913	5.310.887.063
EUR	15	403.463	26	647.129
		<u>20.100.248.527</u>		<u>5.311.534.192</u>

(b) **Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ	882.674.436	490.305.198

(c) **Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn các dự án đầu tư sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	312.827.317.600	245.600.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	69.586.310.000	103.464.974.410
	<u>382.413.627.600</u>	<u>349.064.974.410</u>

35

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.813.062.887.951	1.986.309.007.382
Doanh thu bán hàng hóa và phế liệu	29.152.177.943	24.073.575.575
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	50.256.634	52.894.207
	1.842.265.322.528	2.010.435.477.164

26. Giá vốn hàng bán

	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
Thành phẩm	1.598.127.071.499	1.645.468.713.589
Hàng hoá và phế liệu đã bán	39.029.401.436	22.673.450.726
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(33.630.457.943)	38.690.056.887
	1.603.526.014.992	1.706.832.221.202

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi	8.063.748.323	5.195.034.005
Cổ tức	2.942.163.433	3.620.615.017
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	23.709.438.950	27.321.795.637
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	86.691.694	3.552.036.551
Doanh thu tài chính khác	597.240.850	-
	35.399.283.250	39.689.481.210

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí lãi vay	20.305.411.494	9.554.846.087
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	164.824.136	222.162.209
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.803.945.514	15.827.647.828
Chi phí tài chính khác	56.013.634	-
	38.330.194.778	25.604.656.124

29. Chi phí bán hàng

	2023 VND	2022 VND
Phí giám sát đơn hàng	16.077.059.475	10.123.388.465
Phí xử lý hàng ở cảng	1.779.770.761	2.560.665.312
Chi phí vận chuyển	26.656.319.228	48.969.754.118
Chi phí hoa hồng môi giới	7.592.560.905	9.733.232.598
Chi phí khấu hao	128.119.904	167.048.196
Chi phí bán hàng khác	2.638.066.479	2.052.075.772
	54.871.896.752	73.606.164.461

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	29.376.240.037	44.169.608.135
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	96.619.293	111.040.083
Chi phí khấu hao	2.783.189.683	1.476.391.951
Chi phí vật liệu quản lý và đồ dùng văn phòng	2.407.068.139	1.992.927.054
Thuế, phí và lệ phí	5.595.252.102	5.627.263.749
Chi phí điện, nước	3.827.019.426	3.500.437.925
Chi phí ăn ca	2.162.110.194	3.247.168.015
Chi phí thuê đất	645.090.023	1.311.546.736
Chi phí bảo hiểm	303.210.000	1.067.490.734
Công cụ, dụng cụ	3.494.170.862	2.446.173.247
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.755.978.230	9.079.872.816
	61.445.947.989	74.029.920.445

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Thu nhập khác

	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
Tiền điện nước thu từ các nhà thầu và các đơn vị khác	2.623.545.465	3.046.577.975
Xóa sổ các khoản phải trả	1.587.470.886	-
Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	1.306.275.173
Lãi do nhận được hàng thừa sau sản xuất	-	8.594.643.954
Các khoản khác	2.249.657.562	3.214.494.711
	<u>6.460.673.913</u>	<u>16.161.991.813</u>

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	862.867.413.400	944.694.164.843
Chi phí nhân công	496.927.661.320	675.294.827.694
Chi phí khấu hao	65.257.277.958	56.119.718.122
Chi phí dịch vụ mua ngoài	153.729.448.929	166.461.358.890
Chi phí khác	30.358.615.318	43.477.144.333
	<u>1.589.749.716.925</u>	<u>1.885.747.604.682</u>

33. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	19.897.364.919	41.913.956.899
Dự phòng thiếu trong những năm trước	110.963.303	-
	<u>20.008.328.222</u>	<u>41.913.956.899</u>
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	5.654.649.984	(6.955.245.206)
	<u>25.662.978.206</u>	<u>34.958.711.693</u>

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	121.162.072.754	180.254.790.224
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	24.232.414.551	36.050.958.045
Chi phí không được khấu trừ thuế	968.816.136	964.099.669
Thu nhập không bị tính thuế	(588.432.687)	(724.123.003)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	828.253.600	(1.332.223.018)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	110.963.303	-
	<u>25.552.014.903</u>	<u>34.958.711.693</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo dự kiến, chi tiết như sau:

(i) **Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm	95.499.094.548	145.296.078.531
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi dự kiến (*)	(10.657.833.145)	(19.768.829.116)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	84.841.261.403	125.527.249.415

(*) Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần của năm 2023 dựa trên ước tính của Ban Giám đốc Công ty, căn cứ trên tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm 2023.

Số thực tế phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần của năm 2022 (Thuyết minh 20) nhỏ hơn số phân bổ dự kiến khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2022. Ban Giám đốc Công ty đánh giá chênh lệch này không trọng yếu, do đó đã quyết định không điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2022.

(ii) **Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	2023	2022 Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	15.224.701	10.500.000
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu năm nay (Thuyết minh 21)	4.871.558	4.871.558
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu năm trước (Thuyết minh 21)	-	4.724.701
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	20.096.259	20.096.259

(iii) **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2023	2022 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	84.841.261.403	125.527.249.415
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (số cổ phiếu)	20.096.259	20.096.259
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.222	6.246

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) **Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 22).

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu và ảnh hưởng của các điều chỉnh theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 37) như sau:

	Lợi nhuận thuần trong năm VND Đã điều chỉnh lại	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND Đã điều chỉnh lại
Theo báo cáo trước đây	118.008.710.807	15.224.701	7.751
Điều chỉnh theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước	7.518.538.608	-	494
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	4.871.558	(1.999)
Trình bày lại	125.527.249.415	20.096.259	6.246

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Mua dịch vụ	146.155.828	325.261.766
Trả cổ tức bằng tiền	37.060.976.000	38.338.936.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	29.648.780.000	28.754.200.000
Vay	-	69.600.000.000
Thanh toán gốc vay	23.200.000.000	-
Thanh toán gốc khoản vay từ nguồn vốn vay ADB	1.935.519.047	1.765.130.235
Lãi vay	9.756.742.807	2.605.144.296
Lãi và phí của khoản vay từ nguồn vốn vay ADB	5.554.015.135	2.452.596.351
Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Thời trang Vinatex		
Bán hàng hóa	356.931.830	23.017.222
Mua dịch vụ	105.246.437	-

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
<i>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	71.670.515	41.496.000
Mua dịch vụ	62.721.064	129.818.201
<i>Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài</i>		
Bán hàng hóa	301.643.880	460.750.538
<i>Trung tâm Y tế Dệt May</i>		
Mua dịch vụ	-	68.663.517
<i>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</i>		
Mua hàng hóa	-	8.429.543.400
Mua máy móc	2.490.736.364	-
<i>Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex</i>		
Thuê nhà máy	-	12.000.000.000
Mua tài sản cố định	-	89.965.483.078
<i>Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	587.456.914	311.567.010
Mua hàng hóa	60.917.993	40.326.817
<i>Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương</i>		
Bán hàng hóa	-	965.816.460
<i>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội</i>		
Bán hàng hóa	12.431.972	-
Mua hàng hóa	157.219.900	-
<i>Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	148.305.876	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	59.415.400	-

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
Thành viên Hội đồng quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Đức Trị – Chủ tịch	420.000.000	420.000.000
Ông Nguyễn Văn Phong – Thành viên	78.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Hồng Liên – Thành viên	78.000.000	60.000.000
Ông Lê Hồng Quân – Thành viên (từ ngày 26/4/2023)	63.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Bình – Thành viên (từ ngày 26/4/2023)	63.000.000	-
Ông Nguyễn Bá Quang – Thành viên (đến ngày 26/4/2023)	140.000.000	420.000.000
Ông Hồ Ngọc Lan – Thành viên (đến ngày 26/4/2023)	20.000.000	60.000.000
Thành viên Ban Giám đốc		
<i>Lương và thưởng</i>		
Ông Nguyễn Văn Phong – Tổng giám đốc	1.448.850.000	1.412.700.000
Ông Hồ Ngọc Lan – Phó Tổng giám đốc	1.037.570.715	1.117.440.200
Ông Lê Hồng Quân – Phó Tổng giám đốc	851.514.346	534.656.900
Ông Nguyễn Tiến Hậu – Phó Tổng giám đốc (từ ngày 1/6/2023)	902.116.946	929.746.220
Bà Nguyễn Hồng Liên – Phó Tổng giám đốc (từ ngày 1/11/2023)	867.062.439	906.861.100
Ông Đào Văn Tư – Giám đốc điều hành	752.736.799	801.646.600
Bà Trần Thị Thuần – Giám đốc điều hành	720.975.799	504.606.800
Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng – Giám đốc điều hành	788.950.615	274.544.000
Ông Lê Công An – Giám đốc điều hành (đến ngày 1/7/2022)	-	288.656.500
Thành viên Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao, lương và thưởng</i>		
Bà Phan Nữ Quỳnh Anh – Trưởng ban	305.636.261	294.355.000
Bà Phạm Thị Vân Hà – Thành viên	98.650.000	111.900.000
Ông Hồ Nam Phong – Thành viên	36.000.000	61.000.000
Giao dịch khác với người quản lý chủ chốt		
	2023 VND	2022 VND
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	972.610.000	838.818.000
Trả cổ tức bằng tiền	1.215.812.000	2.516.430.000

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	48.715.580.000	47.247.010.000

37. Thông tin so sánh

Trong năm, Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước được công bố trong Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước năm 2022 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ của Công ty) và Thông báo số 125/TB-KTNN ngày 2 tháng 2 năm 2024 gửi Công ty Cổ phần Dệt May Huế. Các điều chỉnh này như sau:

- Điều chỉnh tăng Hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tăng Thu nhập khác cho năm kết thúc cùng ngày đối với lượng vải khách hàng cho Công ty không thu tiền với số tiền là 8.595 triệu VND.
- Điều chỉnh giảm Dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và giảm Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp cho năm kết thúc cùng ngày với số tiền là 265 triệu VND.
- Điều chỉnh tăng Tài sản cố định hữu hình – Nguyên giá, tăng Tài sản cố định hữu hình – Giá trị hao mòn lũy kế và giảm Chi phí trả trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 liên quan đến việc vốn hóa một số chi phí sửa chữa lớn với số tiền lần lượt là 1.164 triệu VND, 106 triệu VND và 972 triệu VND, đồng thời giảm Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp cho năm kết thúc cùng ngày tương ứng với chi phí khấu hao liên quan với số tiền là 86 triệu VND.
- Điều chỉnh giảm Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và giảm Chi phí tài chính cho năm kết thúc cùng ngày với số tiền là 266 triệu VND.
- Điều chỉnh giảm Người mua trả tiền trước ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tăng Thu nhập khác cho năm kết thúc cùng ngày với số tiền là 438 triệu VND.
- Điều chỉnh tăng Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tăng Chi phí thuế TNDN hiện hành cho năm kết thúc cùng ngày do ảnh hưởng của các điều chỉnh trên với số tiền là 2.131 triệu VND.
- Điều chỉnh tăng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 do kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi với số tiền là 7.519 triệu VND.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại, như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán

	1/1/2023 (theo báo cáo trước đây) VND	1/1/2023 (điều chỉnh của Kiểm toán Nhà Nước) VND	1/1/2023 (đã điều chỉnh lại) VND
Hàng tồn kho	445.761.744.112	8.594.643.954	454.356.388.066
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(38.954.983.357)	264.926.470	(38.690.056.887)
Tài sản cố định hữu hình – Nguyên giá	1.015.052.990.134	1.164.293.439	1.016.217.283.573
Tài sản cố định hữu hình – Giá trị hao mòn lũy kế	(713.070.285.799)	(106.519.037)	(713.176.804.836)
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(868.651.325)	265.771.413	(602.879.912)
Chi phí trả trước dài hạn	20.812.109.960	(972.139.955)	19.839.970.005
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.614.551.372	(438.099.226)	5.176.452.146
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12.082.848.700	2.130.536.902	14.213.385.602
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	153.186.318.981	7.518.538.608	160.704.857.589

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2022 (theo báo cáo trước đây) VND	2022 (điều chỉnh của Kiểm toán Nhà Nước) VND	2022 (đã điều chỉnh lại) VND
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.707.182.782.119	(350.560.917)	1.706.832.221.202
Chi phí tài chính	25.870.427.537	(265.771.413)	25.604.656.124
Thu nhập khác	7.129.248.633	9.032.743.180	16.161.991.813
Chi phí thuế TNDN hiện hành	39.783.419.997	2.130.536.902	41.913.956.899

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	2022 (theo báo cáo trước đây) VND	2022 (điều chỉnh của Kiểm toán Nhà Nước) VND	2022 (đã điều chỉnh lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	170.605.714.714	9.649.075.510	180.254.790.224
Khấu hao và phân bổ	56.013.199.085	106.519.037	56.119.718.122
Các khoản dự phòng	39.553.957.062	(530.697.883)	39.023.259.179
Biến động hàng tồn kho	(130.194.949.293)	(8.594.643.954)	(138.789.593.247)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	(64.922.577.249)	(438.099.226)	(65.360.676.475)
Biến động chi phí trả trước	(14.152.290.132)	972.139.955	(13.180.150.177)
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(136.293.676.474)	(1.164.293.439)	(137.457.969.913)

Ngoại trừ các trường hợp được điều chỉnh lại nêu trên, các số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Người duyệt:


 Thân Thị Kim Phụng
 Kế toán tổng hợp


 Nguyễn Khánh Chi
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Văn Phong
 Tổng Giám đốc



Thừa Thiên Huế, ngày 28 tháng 03 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT




NGUYỄN VĂN PHONG
 TỔNG GIÁM ĐỐC